

Số: /KH-UBND

Bình Phước, ngày tháng năm 2023

KẾ HOẠCH

Khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và dự toán ngân sách khoa học và công nghệ năm 2024

Thực hiện Công văn số 938/BKHCN-KHTC ngày 06/4/2023 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn bổ sung kế hoạch khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (KH, CN & ĐMST) đến năm 2025; xây dựng kế hoạch KH, CN & ĐMST và dự toán ngân sách KH&CN năm 2024;

Theo đề nghị của Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 1036/TTr-SKHCN ngày 29/6/2023,

UBND tỉnh xây dựng xây dựng kế hoạch KH, CN & ĐMST và dự toán ngân sách KH&CN năm 2024, cụ thể như sau:

A. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH KH, CN & ĐMST NĂM 2022, 06 THÁNG ĐẦU NĂM 2023 VÀ DỰ KIẾN CÔNG VIỆC THỰC HIỆN 06 THÁNG CUỐI NĂM 2023

I. Tình hình thực hiện kế hoạch KH, CN & ĐMST năm 2022, 06 tháng đầu năm 2023 và dự kiến công việc thực hiện 06 tháng cuối năm 2023

Trong năm 2022 và 06 tháng đầu năm 2023, việc thực hiện chính sách, pháp luật về phân bổ vốn, sử dụng ngân sách nhà nước cho nhiệm vụ KH&CN đã được triển khai thực hiện nghiêm túc tại địa phương, đã có bước phát triển tích cực: Công tác quản lý hoạt động KH&CN được đẩy mạnh, việc triển khai các nhiệm vụ KH&CN từng bước gắn liền với mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội (KT-XH) của tỉnh. Các tổ chức KH&CN công lập trên địa bàn tỉnh đã, đang được quan tâm đầu tư về cơ sở vật chất phục vụ nghiên cứu thử nghiệm và dịch vụ KH&CN. Nhân lực KH&CN còn thiếu hụt nhưng về chất đã dần tăng lên. Công tác nghiên cứu, ứng dụng KH&CN được quan tâm triển khai tập trung giải quyết các vấn đề có tính cấp thiết phù hợp với điều kiện của địa phương, phục vụ mục tiêu phát triển KT-XH, đảm bảo quốc phòng, an ninh trên địa bàn tỉnh; nhiều mô hình ứng dụng KH&CN được triển khai vào thực tiễn đã phát huy hiệu quả và được nhân rộng. Hoạt động quản lý về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng chưa phát huy hết hiệu lực, hiệu quả do cả nguyên nhân khách quan và chủ quan. Công tác sở hữu trí tuệ, an toàn bức xạ được quan tâm, các sản phẩm đặc thù của địa phương đã được xúc tiến xây dựng thương hiệu, xác lập quyền bảo hộ sở hữu trí tuệ thông qua chỉ dẫn địa lý hoặc nhãn hiệu hàng hóa. Công tác thông tin, tuyên truyền về KH&CN được thực hiện bằng nhiều hình thức; tăng cường, mở rộng hợp tác với các cơ quan, tổ chức trong và ngoài tỉnh để triển khai thực hiện các đề tài, dự án có tính ứng dụng cao trong thực tiễn trên địa bàn nhằm thúc đẩy phát triển KH&CN của tỉnh.

1. Kết quả hoạt động quản lý nhà nước trong lĩnh vực KH, CN & ĐMST hỗ trợ sản xuất, kinh doanh trong từng lĩnh vực, cụ thể:

1.1. Kết quả thực hiện lĩnh vực Tiêu chuẩn - Đo lường - Chất lượng

* Năm 2022, giao Sở KH&CN thực hiện:

- Về hoạt động tiếp nhận hồ sơ đăng ký kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhóm 2 nhập khẩu; hồ sơ công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy luôn được thực hiện tốt, đúng thời hạn quy định. Qua đó, Sở đã hướng dẫn và tiếp nhận 16 hồ sơ đăng ký kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhóm 2 nhập khẩu, 35 hồ sơ công bố hợp chuẩn¹; 36 hồ sơ công bố tiêu chuẩn cơ sở về vàng trang sức, mỹ nghệ; 02 hồ sơ công bố hợp quy.

- Triển khai và hoàn thành nghiệm thu Kế hoạch² áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo TCVN ISO 9001:2015 trên địa bàn tỉnh Bình Phước năm 2021; triển khai Kế hoạch³ áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 vào hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước năm 2022; phối hợp tổ chức 02 lớp tập huấn duy trì và cải tiến hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 cho công chức, viên chức và lãnh đạo phụ trách ISO của các đơn vị hành chính trên địa bàn tỉnh; tổ chức kiểm tra việc áp dụng, duy trì và cải tiến Hệ thống ISO 9001:2015 tại các cơ quan, đơn vị hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh.

- Thông báo về Giải thưởng Chất lượng Quốc gia năm 2022 (không có doanh nghiệp nộp hồ sơ tham dự).

- Thường xuyên đôn đốc các tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo thực hiện nghiêm việc báo cáo hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm và sửa chữa phương tiện đo, chuẩn đo lường. Số phương tiện đo được kiểm định năm 2022 là 62.625 phương tiện đo.

- Công tác triển khai, thực hiện các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ:

+ Quyết định số 1322/QĐ-TTg ban hành Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2021-2023: Đã giao Sở KH&CN xây dựng dự thảo Kế hoạch Nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến 2030 trên địa bàn tỉnh.

+ Quyết định số 996/QĐ-TTg phê duyệt Đề án tăng cường, đổi mới hoạt động đo lường để hỗ trợ doanh nghiệp Việt Nam nâng cao năng lực cạnh tranh và hội nhập quốc tế giai đoạn đến năm 2025, định hướng đến năm 2030: Đã giao Sở KH&CN xây dựng dự thảo “Kế hoạch tăng cường, đổi mới hoạt động đo lường hỗ

¹. gồm các sản phẩm sau: Gạch đặc đất sét nung; Gạch rỗng đất sét nung; Gạch gốm ốp lát – vữa, keo chít mạch; Gạch gốm ốp lát – vữa, keo dán gạch; Bột bả tường gốc xi măng Poóc Lãng; Đá dăm (10 x 10mm); Cửa nhựa ABS (cửa xô, cửa đi); Nước tổng hợp dùng cho nhà bếp

². Kế hoạch số 274/KH-UBND ngày 23/08/2021 của UBND tỉnh

³. Kế hoạch số 264/KH-UBND ngày 16/9/2022 của UBND tỉnh

trợ doanh nghiệp Việt Nam nâng cao năng lực cạnh tranh và hội nhập quốc tế giai đoạn đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Bình Phước”.

+ Quyết định số 100/QĐ-TTg phê duyệt Đề án triển khai, áp dụng và quản lý hệ thống truy xuất nguồn gốc: Đã ban hành Kế hoạch số 96/KH-UBND ngày 18/4/2022 về triển khai, áp dụng và quản lý hệ thống truy xuất nguồn gốc giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh; giao Sở KH&CN tổ chức tập huấn triển khai, áp dụng và quản lý hệ thống truy xuất nguồn gốc năm 2022 trên địa bàn tỉnh.

- Tỉnh không ban hành văn bản quy phạm pháp luật liên quan lĩnh vực tiêu chuẩn đo lường chất lượng và không ban hành, xây dựng các quy chuẩn kỹ thuật địa phương đối với lĩnh vực thuộc thẩm quyền của Bộ KH&CN quản lý.

* 6 tháng đầu năm 2023, giao Sở KH&CN thực hiện các công việc sau:

- Tiếp nhận 09 hồ sơ đăng ký kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu đối với thép cuộn và thép màu mạ kẽm. Thông báo tiếp nhận 09 hồ sơ công bố hợp chuẩn đối với sản phẩm gạo trắng, gạch đặc và gạch rỗng đất sét nung, cao su thiên nhiên SVR và Latex cao su thiên nhiên cô đặc.

- Thông báo và vận động các doanh nghiệp tham dự Giải thưởng chất lượng quốc gia năm 2023.

- Xây dựng Kế hoạch kiểm tra việc xây dựng, áp dụng và duy trì hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 tại các cơ quan hành chính nhà nước tỉnh Bình Phước năm 2023.

- Thường xuyên đôn đốc các tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo thực hiện nghiêm việc báo cáo hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm và sửa chữa phương tiện đo, chuẩn đo lường. Số phương tiện đo được kiểm định 06 tháng đầu năm 2023 là 26.127 phương tiện.

- Triển khai, thực hiện các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, gồm:

+ Quyết định số 1322/QĐ-TTg ban hành Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2021-2023: Đang hoàn thiện để ban hành Kế hoạch hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2023 - 2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

+ Quyết định số 996/QĐ-TTg phê duyệt Đề án tăng cường, đổi mới hoạt động đo lường để hỗ trợ doanh nghiệp Việt Nam nâng cao năng lực cạnh tranh và hội nhập quốc tế giai đoạn đến năm 2025, định hướng đến năm 2030: Đang hoàn thiện để ban hành Kế hoạch tăng cường, đổi mới hoạt động đo lường hỗ trợ doanh nghiệp Việt Nam nâng cao năng lực cạnh tranh và hội nhập quốc tế giai đoạn đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

+ Quyết định số 100/QĐ-TTg phê duyệt Đề án triển khai, áp dụng và quản lý hệ thống truy xuất nguồn gốc: Nhằm triển khai Kế hoạch số 96/KH-UBND ngày 18/4/2022 của UBND tỉnh, đã giao Sở KH&CN làm việc với Tập đoàn Viễn thông

Quân đội Viettel về việc xây dựng dự án truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa và sẽ tiếp tục triển khai kế hoạch trong thời gian tới.

* Dự kiến công việc thực hiện 06 tháng cuối năm 2023, giao Sở KH&CN thực hiện:

- Tiếp nhận hồ sơ công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy và hồ sơ đăng ký kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu. Tham gia đoàn kiểm tra các quy định của pháp luật về chất lượng sản phẩm trong sản xuất thuộc phạm vi quản lý của ngành Công Thương trên địa bàn tỉnh năm 2023. Phối hợp Đài Phát thanh - Truyền hình và Báo Bình Phước thực hiện phóng sự về hoạt động tiêu chuẩn chất lượng. Phối hợp đơn vị tư vấn triển khai xây dựng và áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN 9001:2015 tại các đơn vị cấp xã thuộc UBND huyện Bù Đốp và UBND huyện Bù Gia Mập. Tổ chức kiểm tra việc xây dựng, áp dụng và duy trì hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN 9001 tại các cơ quan hành chính nhà nước theo Kế hoạch.

- Đôn đốc các tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo thực hiện nghiêm việc báo cáo hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm và sửa chữa phương tiện đo, chuẩn đo lường; tổ chức tập huấn về đo lường và chất lượng đối với các cơ sở kinh doanh xăng dầu trên địa bàn tỉnh; tổ chức 01 đoàn kiểm tra chuyên ngành về đo lường.

- Triển khai, thực hiện các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, gồm:

+ Quyết định số 1322/QĐ-TTg ban hành Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2021-2023: Ban hành Kế hoạch hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2023 - 2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

+ Quyết định số 996/QĐ-TTg phê duyệt Đề án tăng cường, đổi mới hoạt động đo lường để hỗ trợ doanh nghiệp Việt Nam nâng cao năng lực cạnh tranh và hội nhập quốc tế giai đoạn đến năm 2025, định hướng đến năm 2030: Ban hành “Kế hoạch tăng cường, đổi mới hoạt động đo lường hỗ trợ doanh nghiệp Việt Nam nâng cao năng lực cạnh tranh và hội nhập quốc tế giai đoạn đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Bình Phước” và triển khai thực hiện.

+ Quyết định số 100/QĐ-TTg phê duyệt Đề án triển khai, áp dụng và quản lý hệ thống truy xuất nguồn gốc: Xây dựng dự án truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa năm 2023 và tiếp tục triển khai kế hoạch số 96/KH-UBND ngày 18/4/2022 về triển khai, áp dụng và quản lý hệ thống truy xuất nguồn gốc giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

1.2. Kết quả thực hiện lĩnh vực sở hữu trí tuệ

* Năm 2022, đã giao Sở KH&CN thực hiện các công việc sau:

- Hoàn thiện hồ sơ tham mưu cho Ban chủ nhiệm 334 của Tỉnh ủy và tham mưu UBND tỉnh về Kế hoạch triển khai chính sách hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ và thương hiệu cho các sản phẩm, dịch vụ trên địa bàn tỉnh Bình Phước (triển khai Nghị quyết số 13/2021/NQ-HĐND). Phối hợp với các sở, ngành liên quan lồng

ghép chính sách hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ trong 6 đề án, chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Triển khai các thủ tục thiết lập và vận hành Trạm khai thác thông tin và sử dụng dịch vụ sở hữu công nghiệp phục vụ quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ (IP Platform) trên địa bàn tỉnh

- Tổ chức kiểm tra tình hình sử dụng chỉ dẫn địa lý “Hạt điều Bình Phước” tại các doanh nghiệp theo đúng kế hoạch. Tư vấn, hướng dẫn cho gần 30 lượt tổ chức, cá nhân tìm hiểu về các thủ tục đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ và các quy định có liên quan; cập nhật CSDL trên Phần mềm Quản lý sở hữu công nghiệp thuộc Hệ thống thông tin KH&CN của Sở. Triển khai nhiều hoạt động hưởng ứng Ngày Sở hữu trí tuệ thế giới.

* Trong 06 tháng đầu năm 2023: Đã giao Sở KH&CN thực hiện hướng dẫn về trình tự thủ tục, thành phần hồ sơ thực hiện chính sách hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ và thương hiệu cho các sản phẩm, dịch vụ trên địa bàn tỉnh Bình Phước theo Nghị quyết số 13/2021/NQ-HĐND ngày 30/9/2021 của HĐND tỉnh.

* Dự kiến công việc thực hiện 6 tháng cuối năm 2023: Tiếp tục giao Sở KH&CN triển khai các nhiệm vụ về sở hữu trí tuệ năm 2023 theo kế hoạch được phê duyệt; hướng dẫn sử dụng chỉ dẫn địa lý “Hạt điều Bình Phước”. Tư vấn, hướng dẫn cho các tổ chức, cá nhân có nhu cầu tìm hiểu các thủ tục pháp lý liên quan đến sở hữu trí tuệ.

1.3. Kết quả thực hiện lĩnh vực năng lượng nguyên tử

* Năm 2022, đã giao Sở KH&CN thực hiện các công việc sau: Thẩm định và cấp phép 28 hồ sơ tiến hành công việc bức xạ cho các cơ sở sử dụng thiết bị X - quang y tế và 13 chứng chỉ nhân viên bức xạ. Chuẩn hóa cơ sở dữ liệu an toàn bức xạ. Hiệu chuẩn thiết bị đo phục vụ công tác thẩm định cấp phép an toàn bức xạ trong sử dụng thiết bị X - quang y tế. Tổ chức hội nghị phổ biến văn bản pháp luật về an toàn bức xạ.

* Công tác an toàn bức xạ 06 tháng đầu năm 2023: Đã giao Sở KH&CN tổ chức thẩm định và cấp giấy phép đối với 08 hồ sơ tiến hành công việc bức xạ và 09 chứng chỉ nhân viên bức xạ.

* Dự kiến công việc thực hiện 06 tháng cuối năm 2023: Giao Sở KH&CN tổ chức diễn tập ứng phó sự cố bức xạ và hạt nhân trên địa bàn tỉnh; tiếp tục hướng dẫn, tiếp nhận và tổ chức thẩm định hồ sơ đề nghị cấp giấy phép tiến hành công việc bức xạ cho các cơ sở sử dụng thiết bị X - quang chẩn đoán trong y tế trên địa bàn tỉnh.

1.4. Tình hình hợp tác và hội nhập quốc tế về KH, CN & ĐMST

Kết quả triển khai các hoạt động hợp tác quốc tế về KH&CN: Không có

1.5. Kết quả thực hiện công tác thông tin và thống kê KH&CN

* Năm 2022, đã giao Sở KH&CN thực hiện các công việc: Cập nhật thông tin trên các kênh thông tin của ngành KH&CN Bình Phước, báo cáo thống kê KH&CN theo Thông tư số 15/2018/TT-BKH&CN và báo cáo theo Thông tư số 14/2014/TT-BKH&CN ngày 11/6/2014 của Bộ trưởng Bộ KH&CN. Thực hiện điều

tra nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ năm 2022 theo hướng dẫn của Bộ KH&CN. Cấp 08 giấy chứng nhận đăng ký nhiệm vụ KH&CN sử dụng ngân sách nhà nước cho 08 đề tài đã được nghiệm thu. Đồng thời thực hiện giao nộp kết quả 08 nhiệm vụ KH&CN có sử dụng ngân sách nhà nước theo Thông tư số 14/2014/TT-BKHHCN ngày 11/6/2014 của Bộ trưởng Bộ KH&CN cho Cục thông tin KH&CN để cập nhật vào dữ liệu nghiên cứu KH&CN của quốc gia.

* Trong 06 tháng đầu năm 2023: Đã giao ngành KH&CN thực hiện báo cáo thống kê theo Thông tư số 15/2018/TT-BKHHCN. Cấp chứng nhận đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN sử dụng ngân sách nhà nước theo quy định tại Thông tư số 14/2014/TT-BKHHCN ngày 11/6/2014 của Bộ trưởng Bộ KH&CN đối với 04 đề tài. Cập nhật tin, bài, hình ảnh, cơ sở dữ liệu thuộc lĩnh vực phụ trách trên Cổng thông tin điện tử và các kênh thông tin của ngành KH&CN Bình Phước.

* Dự kiến công việc thực hiện 6 tháng cuối năm 2023: Thực hiện điều tra thống kê nhận thức công chúng về KH&CN theo hướng dẫn của Bộ KH&CN. Cập nhật tin, bài, hình ảnh, CSDL thuộc lĩnh vực phụ trách trên Cổng thông tin điện tử và các kênh thông tin của ngành KH&CN Bình Phước. Cấp chứng nhận đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN sử dụng ngân sách nhà nước theo quy định tại Thông tư số 14/2014/TT-BKHHCN ngày 11/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.

1.6 Kết quả công tác đánh giá, thẩm định và giám định công nghệ

* Năm 2022, đã giao Sở KH&CN tổ chức họp Hội đồng đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN không sử dụng ngân sách nhà nước đối với dự án: “Nghiên cứu công nghệ thiết kế chế tạo các thiết bị xử lý, chế biến hạt điều”.

* Trong 06 tháng đầu năm 2023: Không có hồ sơ đề nghị thẩm định và giám định công nghệ.

* Dự kiến công việc thực hiện 6 tháng cuối năm 2023: Giao Sở KH&CN tổ chức hướng dẫn thực hiện việc khảo sát, điều tra đánh giá trình độ công nghệ trên địa bàn tỉnh.

1.7. Kết quả phát triển doanh nghiệp KH&CN, thị trường KH&CN và hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo

* Năm 2022, tỉnh đã xây dựng và đưa vào hoạt động Sàn giao dịch công nghệ và thiết bị tỉnh Bình Phước giai đoạn 2022- 2025. Sàn được đặt tại Trung tâm KH&CN tỉnh, là điểm kết nối cung cầu công nghệ, trưng bày giới thiệu công nghệ thiết bị, sản phẩm KH&CN của các tổ chức KH&CN có nhu cầu chào bán, quảng bá các sản phẩm của địa phương. Góp phần thúc đẩy các hoạt động mua bán, chuyển giao công nghệ của các tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh. Tạo môi trường và công cụ thuận lợi giúp các đơn vị, doanh nghiệp đẩy mạnh hoạt động xúc tiến thương mại, chuyển giao các sản phẩm KH&CN của các viện, trường, ... vào sản xuất, kinh doanh. Giao Sở KH&CN xây dựng Dự thảo Quyết định hướng dẫn triển khai thực hiện Nghị quyết Quy định chính sách hỗ trợ tổ chức, cá nhân đầu tư, đổi mới thiết bị, công nghệ trên địa bàn tỉnh.

* Trong 06 tháng đầu năm 2023, tỉnh đã ban hành các văn bản: Quyết định số 596/QĐ-UBND ngày 17/4/2023 ban hành Quy định về hồ sơ, trình tự, thủ tục, hội đồng thẩm định thực hiện chính sách hỗ trợ tổ chức, cá nhân đầu tư, đổi mới thiết bị, công nghệ trên địa bàn tỉnh Bình Phước theo Nghị quyết số 12/2021/NQ-HĐND ngày 30/9/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước; Kế hoạch số 121/KH-UBND ngày 07/4/2023 về hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2022-2025 (thay thế Kế hoạch số 234/KH-UBND ngày 09/11/2018). Giao Sở KH&CN ban hành và tổ chức triển khai Kế hoạch hoạt động Sàn giao dịch công nghệ và thiết bị tỉnh Bình Phước năm 2023; xây dựng và tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh Bình Phước năm 2023.

* Dự kiến công việc thực hiện 06 tháng cuối năm 2023, giao Sở KH&CN thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Tiếp tục hướng dẫn, quản lý hoạt động chuyển giao công nghệ trên địa bàn, bao gồm: chuyển giao công nghệ và đánh giá, định giá, giám định công nghệ, môi giới và tư vấn chuyển giao công nghệ, các dịch vụ chuyển giao công nghệ khác theo quy định; thẩm định cơ sở khoa học và thẩm định công nghệ các dự án đầu tư, các quy hoạch, chương trình phát triển KT-XH, thẩm định các chương trình, đề án khác của địa phương theo thẩm quyền; chứng nhận doanh nghiệp KH&CN trên địa bàn theo quy định của pháp luật.

- Tổng hợp các tổ chức doanh nghiệp có nhu cầu tham gia chương trình hỗ trợ đổi mới thiết bị công nghệ; họp Hội đồng xét chọn tổ chức doanh nghiệp tham gia chương trình hỗ trợ đổi mới thiết bị công nghệ. Triển khai ký hợp đồng với các tổ chức doanh nghiệp tham gia chương trình hỗ trợ đổi mới thiết bị công nghệ.

- Tham mưu xây dựng dự thảo và trình HĐND tỉnh dự thảo Nghị quyết quy định nội dung và mức chi hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh Bình Phước đến năm 2025; tiếp tục triển khai thực hiện Kế hoạch hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh năm 2023.

1.8. Hoạt động KH&CN khác

* Tỉnh ban hành Kế hoạch số 142/KH-UBND ngày 05/5/2023 về tổ chức các hoạt động kỷ niệm ngày KH&CN Việt Nam năm 2023, theo hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ. Theo đó, *giao Sở KH&CN tổ chức các hoạt động kỷ niệm Ngày KH&CN Việt Nam năm 2023, cụ thể:*

- Đã xây dựng chuyên mục tuyên truyền về Ngày KH&CN Việt Nam năm 2023 phát trên Đài Phát thanh - Truyền hình và Báo Bình Phước; tuyên truyền, phổ biến về mục đích, ý nghĩa của Ngày KH&CN Việt Nam 18/5, các hoạt động chào mừng Ngày KH&CN Việt Nam năm 2023; xây dựng phóng sự: “*Khoa học, Công nghệ và đổi mới sáng tạo - động lực phát triển bền vững*”; tổ chức họp mặt các thể hệ ngành KH&CN tỉnh Bình Phước nhân Kỷ niệm 60 năm ngày Chủ tịch Hồ Chí Minh phát biểu tại Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ I của Hội nghị Phổ biến khoa học, kỹ thuật Việt Nam (18/5/1963 - 18/5/2023); Kỷ niệm 10 năm tổ chức các hoạt động chào mừng Ngày KH&CN Việt Nam....

+ Tổ chức Hội thảo khoa học: “Giải pháp khoa học và công nghệ nâng cao giá trị ngành điều tỉnh Bình Phước”.

+ Trưng bày giới thiệu công nghệ, thiết bị chuyên ngành điều - techmart.

** Kết quả về hoạt động sáng kiến*

- Năm 2022, đã giao Sở KH&CN tiếp nhận và xử lý trên 150 hồ sơ sáng kiến, trong đó đã tổ chức được 4 kỳ họp, xem xét thông qua 125 hồ sơ. Kết quả, UBND tỉnh đã quyết định chấp thuận 9 sáng kiến có tác giả, đồng tác giả là người đứng đầu cơ sở; công nhận 28 sáng kiến có hiệu quả áp dụng và phạm vi ảnh hưởng trên địa bàn tỉnh; công nhận 1 sáng kiến có hiệu quả áp dụng và phạm vi ảnh hưởng trên toàn quốc. Phối hợp với Ban Thi đua - khen thưởng tỉnh và UBND thị xã Phước Long tổ chức 2 lớp tập huấn phổ biến các quy định về sáng kiến. Thu thập thông tin, số liệu 53 sáng kiến về cải cách hành chính của 29 cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh và 14 sáng kiến cấp tỉnh gửi Sở Nội vụ phục vụ chấm điểm chỉ số cải cách hành chính cấp tỉnh của năm 2021. Kết quả, có 6 sáng kiến được Bộ Nội vụ chấp thuận chấm điểm, đạt tối đa 2 điểm trong thang điểm chỉ số cải cách hành chính cấp tỉnh.

- Thực hiện 06 tháng đầu năm 2023, giao Sở KH&CN thực hiện Tư vấn, hướng dẫn và tiếp nhận và xử lý trên 50 hồ sơ sáng kiến, trong đó đã tổ chức được 1 kỳ họp, xem xét thông qua 17 hồ sơ. Kết quả, đã quyết định chấp thuận 1 sáng kiến có tác giả, đồng tác giả là người đứng đầu cơ sở; công nhận 1 sáng kiến có hiệu quả áp dụng và phạm vi ảnh hưởng trên địa bàn tỉnh.

- Dự kiến công việc thực hiện 06 tháng cuối năm 2023: Giao Sở KH&CN tiếp nhận và tổng hợp, xử lý các hồ sơ và tổ chức 3 đợt xét sáng kiến cấp tỉnh. Tiếp tục tuyên truyền, hướng dẫn về hoạt động sáng kiến theo quy định.

** Kết quả công tác thanh tra, kiểm tra*

- Năm 2022, đã giao Sở KH&CN thực hiện hoàn thành 11 đoàn thanh tra, đối với 124 cơ sở, qua đó phát hiện 01 cơ sở sử dụng phương tiện nhóm 2 hết hiệu lực kiểm định. Đoàn thanh tra đã lập biên bản vi phạm hành chính và ra Quyết định xử phạt hành vi vi phạm về sử dụng phương tiện đo nhóm 2 hết hiệu lực kiểm định với số tiền là 2.000.000 đồng (*hai triệu đồng*); hoàn thành 05 Đoàn kiểm tra đối với 262 cơ sở, qua đó phát hiện 04 cơ sở vi phạm hành chính về đo lường, chất lượng, gồm: 01 cơ sở vi phạm về đo lường; 03 cơ sở vi phạm về chất lượng. Chánh thanh tra Sở đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với 04 cơ sở vi phạm với tổng số tiền đã nộp về Kho bạc Nhà nước là 90.899.795đ (*Chín mươi triệu, tám trăm chín chín nghìn, bảy trăm chín lăm đồng*). Cử công chức tiếp dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh theo quy định. Trong niên độ phát sinh 03 đơn, trong đó: 02 đã giải quyết xong; 01 đơn khiếu nại đã xin rút.

- Trong 06 tháng đầu năm 2023, giao Sở KH&CN thực hiện: Tổ chức xong 04 Đoàn thanh tra đối với 42 cơ sở, phát hiện 01 cơ sở vi phạm hành chính, Chánh thanh tra Sở đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính với tổng số tiền đã nộp vào Kho bạc Nhà nước là 6.000.000VNĐ (*sáu triệu đồng chẵn*); đang tiến hành 01 Đoàn thanh tra về tiêu chuẩn, đo lường chất lượng sản phẩm, hàng hóa; cử công

chức tiếp dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh theo quy định. Trong niên độ phát sinh 02 đơn, gồm: 01 đơn kiến nghị, 01 đơn phản ánh (đã giải quyết xong).

- Dự kiến công việc thực hiện 6 tháng cuối năm 2023: giao Sở KH&CN tiếp tục hoàn thành 01 Đoàn thanh tra về tiêu chuẩn, đo lường chất lượng sản phẩm, hàng hóa. Thành lập và tiến hành các Đoàn thanh tra, kiểm tra theo Kế hoạch công tác thanh tra KH&CN và kế hoạch công tác kiểm tra Nhà nước về tiêu chuẩn, đo lường và chất lượng sản phẩm, hàng hóa lưu thông trên thị trường năm 2023. Thành lập và tiến hành Đoàn thanh tra, kiểm tra đột xuất (khi có yêu cầu, phát sinh). Thực hiện công tác triển khai ngày pháp luật và tuyên truyền phổ biến, giáo dục pháp luật hàng tháng và công tác Pháp chế theo Kế hoạch đã ban hành năm 2023. Cử công chức tiếp dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh theo quy định.

** Về tổ chức Hội thi, cuộc thi sáng tạo*

- Kết quả thực hiện năm 2022 và 06 tháng đầu năm 2023: Đã giao Liên Hiệp các Hội KH&KT tỉnh phối hợp với Sở KH&CN tổ chức tốt các đợt tuyên truyền về Hội thi Sáng tạo kỹ thuật, Cuộc thi Sáng tạo Thanh thiếu niên nhi đồng trên Trang Thông tin điện tử Liên hiệp các Hội KH&KT tỉnh, Đài PT-TH&BBP. Đôn đốc Ban Tổ chức Cuộc thi, Hội thi cấp huyện chăm và nộp sản phẩm, mô hình tham gia cấp tỉnh; tham mưu thành lập Ban giám khảo sơ khảo, chung khảo cấp tỉnh.

- Dự kiến công việc thực hiện 6 tháng cuối năm 2023: Giao Liên Hiệp các Hội KH&KT phối hợp với Sở KH&CN tiếp tục tổ chức các Cuộc thi theo kế hoạch. Lựa chọn mô hình, sản phẩm tham gia Hội thi Sáng tạo kỹ thuật và Cuộc thi Sáng tạo Thanh thiếu niên nhi đồng cấp toàn quốc và thực hiện các nhiệm vụ khác có liên quan.

2. Kết quả nổi bật của hoạt động KH, CN & ĐMST thông qua các hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; hoạt động ứng dụng, chuyển giao và đổi mới công nghệ, thúc đẩy đổi mới sáng tạo

2.1. Đề tài lĩnh vực xã hội nổi bật

Đề tài khoa học cấp tỉnh “Âm nhạc của người S’tiêng Bình Phước - Khảo cứu, bảo tồn và phát triển”. Nội dung nghiên cứu của đề tài đã góp phần hệ thống hóa tư liệu về diễn xướng dân ca, dân nhạc, thực hành dân vũ trong sinh hoạt văn hóa người S’tiêng ở Bình Phước hiện nay. Đồng thời đã dự thảo phương án, mô hình bảo tồn, khai thác và phát triển các nhạc cụ, các chương trình tiết mục nghệ thuật của người S'tiêng ở Bình Phước. Kết quả nghiên cứu đã được Hội đồng nghiệm thu đánh giá xuất sắc do có giá trị khoa học và thực tiễn cao, phù hợp với điều kiện của tỉnh Bình Phước, với xu hướng bảo tồn, phát triển văn hóa ở Việt Nam và các quốc gia trong khu vực hiện nay. Đề tài đã dựa trên những quan điểm xác hợp của ngành âm nhạc dân tộc học, đặt đối tượng nghiên cứu trong các mối quan hệ với môi trường lịch sử, tự nhiên, xã hội đã và đang tác động đến truyền thống thực hành của cộng đồng, đến không gian sinh tồn của loại hình âm nhạc ... đang là xu thế nghiên cứu âm nhạc của các tộc người được ứng dụng ở các quốc gia phát triển trên thế giới.

2.2. Công tác quản lý KH&CN

*** Kết quả hoạt động KH&CN cấp tỉnh**

- Năm 2022, đã giao Sở KH&CN tiếp tục thực hiện 24 đề tài chuyên tiếp. Trong đó, đã nghiệm thu 11 đề tài (Kết quả: 01 đề tài xuất sắc và 10 đề tài đạt). Thống nhất theo đề nghị của Sở KH&CN bàn giao quyền sử dụng kết quả 04 đề tài cho 04 đơn vị⁴. Hội đồng KH&CN xác định nhiệm vụ KH&CN năm 2023 gồm 07 đề tài. Đã tổ chức họp Hội đồng tư vấn tuyển chọn thực hiện 06 đề tài, kết quả 01 đề tài không đạt; 02 đề tài đã được phê duyệt thuyết minh và dự toán kinh phí; 03 đề tài đang hoàn thiện hồ sơ chờ phê duyệt.

- Trong 06 tháng đầu năm 2023:

+ Giao Sở KH&CN chủ trì phối hợp với các viện, trường, sở, ngành và các đơn vị trong và ngoài tỉnh tiếp tục thực hiện 13 đề tài chuyên tiếp, trong đó đã nghiệm thu 01 đề tài, kết quả: Đạt; thực hiện các thủ tục để triển khai 05 đề tài trong danh mục 2022 và chuẩn bị triển khai 07 đề tài năm 2023.

+ Đối với nhiệm vụ KH&CN công nghệ cấp thiết của địa phương sử dụng ngân sách nhà nước cấp quốc gia: từ năm 2021, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định phê duyệt kinh phí đối ứng của địa phương để thực hiện nhiệm vụ “Nghiên cứu giải pháp công trình bổ cập nước ngầm từ hệ thống thủy lợi trong mùa mưa để ứng phó với hạn hán trên địa bàn tỉnh Bình Phước”. Tuy nhiên, đến nay vẫn chưa triển khai do Bộ KH&CN chưa triển khai ký kết hợp đồng thực hiện.

+ Đối với các nhiệm vụ thuộc Chương trình hành động số 17 của Tỉnh ủy: Thường xuyên theo dõi và triển khai thực hiện các nội dung bám sát Kế hoạch số 299/KH-UBND ngày 17/10/2022 của UBND tỉnh về nghiên cứu, ứng dụng KH&CN trong các lĩnh vực giai đoạn 2021-2025.

+ Đã Ban hành quyết định giao quyền sử dụng kết quả đối với đề tài “Nghiên cứu xây dựng và phát triển sản phẩm du lịch tại tỉnh Bình Phước” cho 03 đơn vị ứng dụng: Tỉnh đoàn, Trung tâm Xúc tiến Đầu tư Thương mại và Du lịch tỉnh, Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch tỉnh Bình Phước.

- Dự kiến công việc thực hiện 06 tháng cuối năm 2023: Tiếp tục giao Sở KH&CN tổ chức họp Hội đồng tư vấn tuyển chọn 07 đề tài, nghiệm thu 07 đề tài; tổ chức 10 lượt kiểm tra tiến độ đề tài; tổ chức họp Hội đồng tư vấn xác định danh mục nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh năm 2024.

*** Kết quả hoạt động KH&CN cơ sở**

- *Nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở*

⁴. (1) Giao Trường Chính trị tỉnh Bình Phước quyền sử dụng kết quả đề tài “Nghiên cứu xây dựng cảm nang xử lý tình huống dành cho cán bộ cấp cơ sở trên địa bàn tỉnh Bình Phước”; (2) Giao Ban Dân tộc, Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước quyền sử dụng kết quả đề tài “Nghiên cứu thực trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong cộng đồng người S'tiêng trên địa bàn tỉnh Bình Phước và đề xuất giải pháp”; (3) Giao Thị ủy Phước Long quyền sử dụng kết quả đề tài “Lịch sử nhà tù Bà Rá và phong trào đấu tranh chống chế độ lao tù (1940-1945)”; (4). Giao Sở lao động, Thương binh và Xã hội quyền sử dụng kết quả đề tài “Nghiên cứu tiềm năng và cơ hội khởi nghiệp của thanh niên nông thôn tỉnh Bình Phước”

+ Năm 2022, đã giao Sở KH&CN tiếp tục theo dõi 12 nhiệm vụ chuyển tiếp. Trong đó, đã nghiệm thu 01 nhiệm vụ, kết quả xếp loại đạt. Kiểm tra 12 nhiệm vụ⁵. Đối với 08 nhiệm vụ của năm 2022: Sau khi mở hồ sơ có 05/08 nhiệm vụ đã chọn được tổ chức và cá nhân chủ trì thực hiện. Hiện tại có 01 nhiệm vụ ký kết hợp đồng, 03 nhiệm vụ đang thẩm định kinh phí và 01 nhiệm vụ đang hoàn thiện hồ sơ. Đối với 03/08 nhiệm vụ còn lại đã thực hiện thông báo tuyển chọn tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện lần 2⁶. Hoàn thành việc tổng hợp danh mục với 11 đề xuất nhiệm vụ cho năm 2023. Thẩm định kinh phí dự án “Xây dựng mô hình nông trại giáo dục thực nghiệm, kỹ năng sống và ươm tạo khởi nghiệp đổi mới sáng tạo”. Gia hạn thời gian thực hiện dự án “Ứng dụng chế phẩm có nguồn gốc từ thảo dược biovita trong chăn nuôi gà ta lai chọi theo hướng an toàn kết hợp chăn thả tự nhiên trên địa bàn tỉnh Bình Phước”. Đôn đốc việc nộp hồ sơ nghiệm thu đối với 03 nhiệm vụ chuyển tiếp sang năm 2022.

+ 06 tháng đầu năm 2023, tỉnh đã giao Sở KH&CN chủ trì phối hợp với các viện, trường, sở, ngành và các đơn vị trong và ngoài tỉnh tiếp tục thực hiện 13 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở chuyển tiếp từ các năm trước; trong đó đã nghiệm thu 04 nhiệm vụ và tiếp tục triển khai 09 nhiệm vụ KH&CN. Đã phê duyệt danh mục nhiệm vụ KH&CN cơ sở năm 2023, với 05 nhiệm vụ và đã tuyển chọn được tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện. Đã giao Sở KH&CN thông báo đề xuất nhiệm vụ KH&CN cơ sở năm 2024, kết quả đã tiếp nhận được 07 đề xuất.

+ Dự kiến công việc thực hiện 06 tháng cuối năm 2023: Giao Sở KH&CN tổ chức nghiệm thu đối với 03 nhiệm vụ khoa học cơ sở và nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng, thực hiện tiếp tục 01 nhiệm vụ chuyển tiếp; triển khai thực hiện đối với 05 nhiệm vụ triển khai năm 2023; tổng hợp danh mục đề xuất nhiệm vụ KH&CN cơ sở năm 2024; tổ chức họp hội đồng tư vấn xác định danh mục nhiệm vụ KH&CN cơ sở và tham mưu trình UBND tỉnh phê duyệt.

(Kèm theo các Biểu: TK1-5, TK1-7).

- *Nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng (TXTCN):*

+ Năm 2022, tỉnh phê duyệt và giao Sở KH&CN tổ chức họp xét nội dung 06 nhiệm vụ TXTCN năm 2022, trong đó đã thẩm định kinh phí 05/06 nhiệm vụ.

+ Năm 2023, đã phê duyệt và giao Sở KH&CN chủ trì tổ chức họp Hội đồng tư vấn thẩm định nội dung thuyết minh 06 nhiệm vụ TXTCN năm 2023, hiện đang triển khai thực hiện các nội dung theo đúng tiến độ. Dự kiến đến tháng 12 sẽ tiến hành nghiệm thu.

- *Nhiệm vụ thuộc Chương trình hỗ trợ ứng dụng chuyển giao KH&CN phục vụ phát triển KT-XH các huyện biên giới tỉnh Bình Phước giai đoạn 2020-2025*

⁵. Kết quả có 04/05 nhiệm vụ chuyển tiếp từ năm 2020 phải thực hiện gia hạn thời gian do ảnh hưởng của dịch covid gây khó khăn cho việc mua sắm, vận chuyển cây con giống, vật tư cần thiết để triển khai thực hiện các mô hình nên việc triển khai các nhiệm vụ bị chậm, 01/05 nhiệm vụ có thể được nghiệm thu đúng thời gian quy định. 05/06 nhiệm vụ chuyển tiếp từ năm 2021 bị chậm tiến độ do nhiều nguyên nhân khác nhau như: việc thực hiện các thủ tục lựa chọn đơn vị cung ứng giống, vật tư, dịch vụ... cần thiết để triển khai thực hiện kéo quá dài, lựa chọn hộ thụ hưởng cho các mô hình gặp phải rất nhiều khó khăn, phải khảo sát nhiều lần mới lựa chọn được hộ thụ hưởng đạt yêu cầu.

⁶. Đối với 03/08 nhiệm vụ còn lại đã nhận được 01 hồ sơ hợp lệ, đã thành lập được hội đồng tuyển chọn và bố trí lịch nhiều lần (từ 28/7/2022) tuy nhiên do các thành viên của Hội đồng bận lịch công tác nên không đảm bảo số lượng, cơ cấu hội đồng để tổ chức họp.

+ Năm 2022, đã giao Sở KH&CN tiếp tục triển khai 2 nhiệm vụ và đã nghiệm thu 1 nhiệm vụ⁷. Hợp Hội đồng tư vấn giao trực tiếp nhiệm vụ KH&CN thuộc Chương trình biên giới năm 2022⁸.

+ Trong 06 tháng đầu năm 2023, giao Sở KH&CN triển khai các nhiệm vụ theo tiến độ đã được phê duyệt, cụ thể như sau:

Nhiệm vụ “Xây dựng mô hình trồng một số loài cây ăn trái và rau màu trên địa bàn các huyện biên giới tỉnh Bình Phước theo quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (VietGAP) và thực hành sản xuất nông nghiệp tốt toàn cầu (GlobalGAP)”; thời gian thực hiện: 31/12/2020 đến 31/12/2023: Đã tiến hành kiểm tra tiến độ đợt 02, nhiệm vụ đang triển khai đúng theo Kế hoạch và tiến độ đề ra; dự kiến nghiệm thu vào tháng 11-12/2023.

Nhiệm vụ “Xây dựng mô hình tưới tiêu bằng năng lượng mặt trời cho cây ăn quả trên địa bàn 03 huyện biên giới (Lộc Ninh, Bù Đốp, Bù Gia Mập)”: Do không lựa chọn được nhà thầu cung cấp vật tư thiết bị, nên đã chỉ đạo Sở KH&CN tham mưu dừng thực hiện đối với nhiệm vụ này.

Nhiệm vụ bắt đầu thực hiện năm 2022: Đang xem xét phê duyệt thuyết minh đề cương và dự toán nhiệm vụ “Xây dựng và phát triển nhãn hiệu tập thể và nhãn hiệu hàng hóa cho các sản phẩm nông sản đặc trưng có thể mạnh của 03 huyện biên giới tỉnh Bình Phước”.

Nhiệm vụ bắt đầu thực hiện năm 2023: hiện đang tổng hợp đề xuất.

+ Dự kiến công việc thực hiện 06 tháng cuối năm 2023, giao Sở KH&CN:

Tham mưu UBND tỉnh ban hành Kế hoạch nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ thuộc các lĩnh vực giai đoạn 2021-2025 theo Kế luận số 370-KL/TU ngày 25/6/2022 BTV Tỉnh uỷ Bình Phước về định hướng nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ trong các lĩnh vực giai đoạn 2021-2025.

Dự kiến đến tháng 12 sẽ tiến hành nghiệm thu 09 nhiệm vụ cấp cơ sở: trong đó có 02 dự án, 06 nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng và 01 nhiệm vụ thực hiện từ năm 2021 đến nay.

- *Nhiệm vụ thuộc Chương trình hỗ trợ ứng dụng, chuyển giao tiến bộ KH&CN thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nông thôn, miền núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2016-2025*

+ Năm 2022, đã giao Sở KH&CN thực hiện các công việc sau: Phối hợp với Bộ KH&CN kiểm tra tiến độ thực hiện các dự án nông thôn miền núi từ năm 2019

⁷. Kiểm tra tiến độ triển khai 02 nhiệm vụ: Kết quả nhiệm vụ “Xây dựng mô hình trồng một số loài cây ăn trái và rau màu trên địa bàn các huyện biên giới tỉnh Bình Phước theo quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (VietGAP) và thực hành sản xuất nông nghiệp tốt toàn cầu (GlobalGAP)” thực hiện đúng tiến độ; nhiệm vụ “Xây dựng mô hình tưới tiêu bằng năng lượng mặt trời cho cây ăn quả trên địa bàn 03 huyện biên giới (Lộc Ninh, Bù Đốp, Bù Gia Mập)” thực hiện chậm so với kế hoạch đã được phê duyệt; Nghiệm thu nhiệm vụ “Tổ chức hội thảo, tập huấn kiến thức khoa học và công nghệ cho người dân, cán bộ trên địa bàn 03 huyện biên giới”. Kết quả: Xếp loại đạt.

⁸. “Xây dựng và phát triển nhãn hiệu tập thể và nhãn hiệu hàng hóa cho các sản phẩm nông sản đặc trưng có thể mạnh của 03 huyện biên giới tỉnh Bình Phước”. Kết quả: Hội đồng thống nhất đề nghị thực hiện nhiệm vụ, trong đó: Đơn vị chủ trì là Trung tâm Khoa học và Công nghệ, chủ nhiệm nhiệm vụ: Nguyễn Văn Hiếu – Giám đốc Trung tâm.

- 2022, như sau: Dự án năm 2019⁹, đã tiến hành nghiệm thu cấp Bộ. Kết quả, đạt; Dự án năm 2020¹⁰, triển khai chậm so với kế hoạch đã đề ra; các dự án năm 2021 và năm 2022, đang triển khai đúng kế hoạch đã được phê duyệt¹¹. Tham mưu Bộ KH&CN thay đổi tổ chức hỗ trợ ứng dụng công nghệ đối với 01 dự án¹². Tham mưu UBND tỉnh đề xuất Bộ KH&CN phê duyệt 01 dự án năm 2023¹³.

+ 06 tháng đầu năm 2023, đã giao cho Sở KH&CN thực hiện các Dự án sau:

Dự án thực hiện từ năm 2020: “Xây dựng mô hình nông nghiệp công nghệ cao ứng dụng IoT trong sản xuất rau, củ quả sạch trên địa bàn tỉnh Bình Phước” (Công ty TNHH MTV sản xuất ứng dụng nông nghiệp công nghệ cao NGUYỄN KHANG GARDEN chủ trì): Đã gửi văn bản trình Bộ Khoa học và Công nghệ xin dừng thực hiện dự án. Hiện đang chờ văn bản của Bộ KH&CN để triển khai các bước tiếp theo.

Dự án thực hiện từ năm 2021: (1) Dự án “Chuyển giao tiến bộ kỹ thuật và xây dựng mô hình nuôi dê lai hướng thịt (Boer x Bách Thảo) tại tỉnh Bình Phước”: Thời gian thực hiện 36 tháng, từ tháng 12/2021-11/2024. Đã tiến hành kiểm tra tiến độ cùng Đoàn của Bộ KH&CN vào tháng 03/2023 (đã bàn giao giống dê tại huyện Lộc Ninh và huyện Bù Đăng, huyện Phú Riềng hết kinh phí nên đang chờ cấp tiền để triển khai tiếp); (2) Dự án “Xây dựng mô hình ứng dụng tiến bộ KH&CN sản xuất cát nghiền từ đá tại tỉnh Bình Phước”: Đoàn kiểm tra của Bộ KH&CN đã thống nhất đề xuất dừng thực hiện dự án. Hiện đang chờ hướng dẫn của Bộ để triển khai thực hiện các bước tiếp theo; (3) Dự án thực hiện từ năm 2022: “Ứng dụng KH&CN xây dựng mô hình sản xuất viên nén sinh học từ phụ phẩm sau chế biến gỗ làm nhiên liệu đốt cho dân dụng, công nghiệp và phục vụ xuất khẩu tại tỉnh Bình Phước”: Thời gian thực hiện là 30 tháng, từ tháng 12/2022 đến hết tháng 02/2025. Hiện đơn vị thực hiện đã gửi hồ sơ xin dừng dự án.

+ Dự kiến công việc thực hiện 06 tháng cuối năm 2023: Giao Sở KH&CN làm việc với Công ty Cổ phần Thuận Lợi Bình Phước, làm rõ lý do xin dừng dự án, tham mưu báo cáo Bộ KH&CN theo quy định.

(Kèm theo các Biểu: TK1-5, TK1-7).

3. Kết quả và tình hình thực hiện các cơ chế chính sách quản lý KH, CN & ĐMST

3.1. Cơ chế chính sách về Quỹ Phát triển KH&CN

⁹. “Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ trong chăn nuôi bò thịt chất lượng cao tại tỉnh Bình Phước”.

¹⁰. Xây dựng mô hình nông nghiệp công nghệ cao ứng dụng IoT trong sản xuất rau, củ quả sạch trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

¹¹. 02 dự án của năm 2021: 1. Dự án “Chuyển giao tiến bộ kỹ thuật và xây dựng mô hình nuôi dê lai hướng thịt (Boer x Bách Thảo) tại tỉnh Bình Phước”; 2. + Dự án “Xây dựng mô hình ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ sản xuất cát nghiền từ đá tại tỉnh Bình Phước”; Dự án của năm 2022: Ứng dụng Khoa học Công nghệ xây dựng mô hình sản xuất viên nén sinh học từ phụ phẩm sau chế biến gỗ làm nhiên liệu đốt cho dân dụng, công nghiệp và phục vụ xuất khẩu tại tỉnh Bình Phước

¹². “Ứng dụng và phát triển công nghệ sản xuất gạch không nung xi măng cốt liệu từ vật liệu sẵn có tại tỉnh Bình Phước”

¹³. “Ứng dụng tiến bộ Khoa học kỹ thuật xây dựng mô hình nhân giống, trồng và chung cất tinh dầu 3 loại cây dược liệu Sả (Cymbopogon), Hương nhu tía (Ocimum tenuiflorum) và Bạc hà (Mentha arvensis) theo chuỗi giá trị sản phẩm dược liệu trên địa bàn tỉnh Bình Phước”.

- Quy chế hoạt động và cơ chế tài chính của Quỹ Phát triển KH&CN: Thực hiện theo Quyết định số 11/QĐ-HĐQLQ ngày 05/10/2021 của Hội đồng Quản lý Quỹ ban hành Quy định tài trợ, cho vay vốn của Quỹ Phát triển KH&CN.

- Tình hình hoạt động và sử dụng kinh phí của Quỹ phát triển KH&CN: Đến nay đang cho 03 doanh nghiệp vay vốn để thực hiện 03 Dự án từ Quỹ Phát triển KH&CN, kết quả như sau:

+ Dự án “Xây dựng nhà màng trồng rau thủy canh ứng dụng công nghệ cao” của Hợp tác xã sản xuất - thương mại - dịch vụ - Nông nghiệp Nguyên Khang Garden (vay 03 tỷ đồng, thời gian thu hồi vốn tháng 07/2020).

+ Dự án “Đầu tư đổi mới thiết bị công nghệ sản xuất và chế biến điều đạt tiêu chuẩn BRC” của Công ty TNHH MTV Tuấn Bông (vay 04 tỷ đồng, thời gian thu hồi tháng 9/2020, đã trả 500 triệu đồng vào tháng 10/2021).

+ Dự án “Đổi mới công nghệ trong việc nâng cao chất lượng, tăng năng suất trong chế biến nhân điều xuất khẩu” của Công ty Mỹ Lệ Trách nhiệm hữu hạn (Công ty Mỹ Lệ TNHH) (vay 02 tỷ đồng, thời gian thu hồi tháng 01/2021, đã trả 500 triệu đồng vào tháng 10/2021).

Qua kiểm tra thực tế cho thấy các hệ thống máy móc thiết bị tại các dự án vẫn đang hoạt động tốt, phát huy hiệu quả. Nhưng do ảnh hưởng bởi dịch bệnh Covid-19 nên sản lượng sản xuất của các đơn vị giảm khoảng 30% đến 45%, khối lượng hàng sản xuất không bán được tồn kho quá lớn, hiện các dự án đều đã quá hạn trả nợ nhưng chưa có khả năng chi trả; đơn vị chủ quản đang phối hợp với các ngành chức năng để thu hồi các khoản nợ trên.

Hiện tại, Quỹ Phát triển KH&CN của tỉnh đang tạm ngưng hoạt động, chờ sáp nhập các quỹ trên địa bàn tỉnh theo Quyết định số 207/QĐ-UBND ngày 25/01/2021 của UBND tỉnh phê duyệt Phương án sắp xếp, bố trí nhân sự các Quỹ sử dụng ngân sách nhà nước sau khi ủy thác vào Quỹ Đầu tư phát triển Bình Phước và Công văn số 2088/UBND-NC ngày 25/6/2021 của UBND tỉnh về việc xây dựng Phương án ủy thác nguồn vốn của các Quỹ sử dụng ngân sách Nhà nước vào Quỹ Đầu tư phát triển Bình Phước.

(Kèm theo Biểu: TK1-8)

3.2. Cơ chế chính sách về tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập

Trung tâm KH&CN thực hiện cơ chế tự chủ 100% kinh phí hoạt động chi thường xuyên, kinh phí tài chính tự chủ năm 2022, 06 tháng đầu năm 2023 cụ thể:

- Năm 2022:

+ Nguồn thu từ hoạt động dịch vụ và tiền công từ các nhiệm vụ KH&CN (tạm tính): 3.298.181.000 đồng (*Ba tỷ, hai trăm chín mươi tám triệu, một trăm tám mươi một ngàn đồng*).

- Nguồn chi hoạt động thường xuyên: 3.381.969.000 đồng (*Ba tỷ, ba trăm tám mươi một triệu, chín trăm sáu mươi chín ngàn đồng*).

- 06 tháng đầu năm 2023:

+ Nguồn thu từ hoạt động dịch vụ: 1.204.575.837 (Một tỷ, hai trăm lẻ bốn triệu, năm trăm bảy mươi lăm ngàn, tám trăm ba mươi bảy đồng)

+ Nguồn chi hoạt động: 1.204.575.837 (Một tỷ, hai trăm lẻ bốn triệu, năm trăm bảy mươi lăm ngàn, tám trăm ba mươi bảy đồng)

+ Khoản nợ phải trả: Hiện tại Trung tâm KH&CN vẫn nợ kinh phí tạm ứng chi trả lương của Trung tâm Ứng dụng Tiến bộ KH&CN và Trung tâm Kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng là 1.090.401.000 đồng (Một tỷ, không trăm chín mươi triệu, bốn trăm lẻ một ngàn đồng) và nợ lương viên chức, người lao động năm 2023 khoảng 450 triệu đồng. Nợ các đối tác khoảng 350.000.000 đồng (Ba trăm năm mươi triệu đồng).

+ Thực hiện Quy chế quản lý và sử dụng máy móc, thiết bị theo Quyết định số 55/QĐ-TKC ngày 02/3/2020 của Giám đốc Trung tâm KH&CN.

+ Thực hiện quy chế chi tiêu nội bộ theo Quyết định số 15/QĐ-TKC ngày 13/2/2023 của Giám đốc Trung tâm KH&CN.

4. Cơ chế tự chủ của tổ chức KH&CN công lập

- Trung tâm KH&CN được thành lập năm 2019 theo Quyết định số 239/QĐ-UBND ngày 31/1/2019 của UBND tỉnh về việc hợp nhất nguyên trạng Trung tâm Ứng dụng Tiến bộ KH&CN và Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng thành Trung tâm KH&CN tỉnh - là đơn vị tự chủ 100% kinh phí hoạt động chi thường xuyên.

- Thực hiện chức năng nhiệm vụ theo Quyết định số 299/QĐ-SKH&CN ngày 20/3/2019 của Sở KH&CN về việc ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của Trung tâm KH&CN. Thực hiện chức năng, nhiệm vụ trên 04 lĩnh vực (Lĩnh vực Ứng dụng chuyển giao tiến bộ KH&CN; Lĩnh vực Thông tin và thống kê KH&CN; Lĩnh vực Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng).

- Đối với nhiệm vụ KH&CN không sử dụng ngân sách nhà nước, tổ chức khoa học và công nghệ công lập tự xây dựng kế hoạch thực hiện nhiệm vụ, báo cáo cơ quan quản lý cấp trên để theo dõi việc thực hiện.

- Đối với nhiệm vụ KH&CN, nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng và nhiệm vụ khác sử dụng ngân sách nhà nước, tổ chức KH&CN công lập xây dựng kế hoạch thực hiện nhiệm vụ, báo cáo cơ quan có thẩm quyền để phê duyệt và quyết định phương thức giao kế hoạch cho đơn vị thực hiện.

- Tự chủ trong việc thực hiện các nội dung sau: Quyết định các biện pháp thực hiện nhiệm vụ KH&CN, nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng, dịch vụ sự nghiệp công và nhiệm vụ khác theo kế hoạch của đơn vị, kế hoạch của cơ quan có thẩm quyền giao, bảo đảm chất lượng, tiến độ. Đăng ký tham gia tuyển chọn thực hiện nhiệm vụ KH&CN sử dụng ngân sách nhà nước; đấu thầu cung ứng các dịch vụ sự nghiệp công phù hợp với lĩnh vực chuyên môn của đơn vị được cấp có thẩm quyền giao. Thực hiện hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ; góp vốn, liên doanh, liên kết với các tổ chức, cá nhân để thực hiện nhiệm vụ KH&CN, sản xuất,

kinh doanh, dịch vụ theo quy định. Tham gia đấu thầu thực hiện các hợp đồng sản xuất, cung ứng sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ theo quy định.

II. Khó khăn, vướng mắc và đề xuất, kiến nghị

1. Đánh giá chung

- Trong năm 2022 và 06 tháng đầu năm 2023, hoạt động KH&CN trên địa bàn tỉnh Bình Phước cơ bản đạt yêu cầu kế hoạch. Thực hiện tốt công tác ban hành các cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ và thương hiệu cho các sản phẩm, dịch vụ trên địa bàn, hỗ trợ đổi mới, chuyển giao công nghệ trên địa bàn tỉnh. Đa số các đề tài, dự án KH&CN cấp tỉnh nghiệm thu đều đạt. Hoạt động xây dựng triển khai các nhiệm vụ KH&CN các cấp đã và đang gắn với mục tiêu, nhiệm vụ phát triển KT-XH của tỉnh. Qua đó, đã tạo chuyển biến và nâng cao hiệu quả ứng dụng KH&CN, gắn hoạt động ứng dụng KH&CN với mọi hoạt động trong đời sống xã hội. Việc mạnh dạn chuyển giao các giống cây trồng, vật nuôi mới cũng như áp dụng các phương thức canh tác mới đã góp phần chuyển biến cho vùng nông thôn, tăng thu nhập cải thiện cuộc sống, góp phần ổn định tình hình KT-XH của địa phương. Công tác quản lý KH&CN và hoạt động của Hội đồng KH&CN có nhiều đổi mới, thiết thực. Hội đồng đã tổ chức phương thức tuyển chọn đề tài với mục đích nâng cao tính khoa học, tính thực tiễn, xuất phát từ chính nhu cầu, giải toả được các vướng mắc từ cơ sở đặt ra.

- Hoạt động quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ được tăng cường, trong đó chú trọng công tác tuyên truyền, tư vấn, hướng dẫn các tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh thực hiện các thủ tục pháp lý liên quan đến quyền sở hữu trí tuệ.

- Công tác quản lý nhà nước về tiêu chuẩn đo lường, chất lượng luôn được chú trọng. Luôn cập nhật và cung cấp kịp thời các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật cho doanh nghiệp, sở, ban, ngành khi có yêu cầu. Triển khai có hiệu quả việc chuyển đổi và áp dụng Hệ thống ISO theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015 vào hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước cấp tỉnh, cấp huyện và cấp xã trên địa bàn tỉnh đã góp phần nâng cao chỉ số cải cách hành chính, đảm bảo thực thi các thủ tục hành chính đúng quy trình và chất lượng.

- Kịp thời thẩm định hồ sơ và cấp giấy phép tiến hành bức xạ cho các cơ sở sử dụng thiết bị X quang trong y tế trên địa bàn tỉnh.

2. Khó khăn, vướng mắc và đề xuất, kiến nghị

- Trong năm 2022 và 06 tháng đầu năm 2023, còn một số nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh chưa đạt tiến độ kế hoạch đề ra. Một số đề tài chuyển tiếp tiến độ thực hiện chậm (lý do: một số ít đề tài do ảnh hưởng chung của dịch bệnh Covid-19 trong giai đoạn 2020-2021, hiện đang dần khắc phục; một số đề tài cần phải thu thập bổ sung số liệu). Công tác thẩm định kinh phí các đề tài năm 2022 và các thủ tục trình phê duyệt danh mục năm 2023 còn chậm, dẫn đến các công việc triển khai tiếp theo khó có thể đảm bảo đúng kế hoạch đã đề ra.

- Công tác chuyển giao kết quả, xử lý tài sản được hình thành thông qua việc triển khai thực hiện nhiệm vụ KH&CN sử dụng vốn nhà nước theo Nghị định số 70/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ vẫn còn nhiều vướng mắc; đến nay

các đề tài được nghiệm thu nhưng vẫn chưa thực hiện việc chuyển giao ứng dụng do lúng lúng khi thực hiện các thủ tục xác định giá trị tài sản và sản phẩm của nhiệm vụ KH&CN.

- Đến thời điểm hiện tại, các dự án nông thôn miền núi đang được triển khai, gặp rất nhiều khó khăn: Do nền kinh tế đang đi xuống, đơn vị chủ trì thực hiện xin dừng đầu tư dự án.

- Hoạt động đánh giá, thẩm định, giám định và chuyển giao công nghệ còn khá hạn chế. Số lượng doanh nghiệp KH&CN được cấp phép hằng năm còn ít. Các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đã có sẵn công nghệ. Các doanh nghiệp siêu nhỏ, nhỏ và vừa, tiềm lực kinh tế còn hạn chế, chủ yếu mua sắm máy móc, thiết bị, chưa thực sự quan tâm đến chuyển giao công nghệ nên trong thời gian qua số lượng đăng ký chuyển giao công nghệ hầu như không có.

- Về hoạt động sáng kiến: Vẫn còn một số tác giả và đơn vị liên quan chậm bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định, dẫn tới công đoạn xử lý các hồ sơ phải kéo dài. Các cơ quan, đơn vị chưa thẩm định kỹ các hồ sơ sáng kiến trước khi trình lên Hội đồng Sáng kiến tỉnh.

- Về hoạt động sở hữu trí tuệ: Chưa thể triển khai đồng bộ nội dung các nhiệm vụ theo Kế hoạch số 295/KH-UBND ngày 01/12/2020 của UBND tỉnh.

B. XÂY DỰNG KẾ HOẠCH VÀ DỰ TOÁN NGÂN SÁCH KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ NĂM 2024

Căn cứ tổng mức kinh phí được giao và tình hình thực hiện, sử dụng kinh phí của các nhiệm vụ năm 2023, UBND tỉnh Bình Phước dự trù và dự toán ngân sách năm 2024 cho hoạt động KH&CN của tỉnh, cụ thể như sau:

I. Đối với nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh, cấp cơ sở

1. Nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh

* Định hướng xác định danh mục nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh năm 2024:

Chỉ đạo Sở KH&CN triển khai các hoạt động nghiên cứu ứng dụng KH&CN vào sản xuất và đời sống nhằm nâng cao năng suất chất lượng sản phẩm, đặc biệt chú trọng vào các mặt hàng nông sản chủ lực của tỉnh. Tiếp tục theo dõi, quản lý 18 nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh chuyển tiếp thực hiện tiếp trong năm 2024; triển khai mới 05 đề tài khoa học cấp tỉnh trong danh mục năm 2024 (dự kiến); Tổ chức họp nghiệm thu đối với 07 đề tài.

2. Nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở

* Nhiệm vụ thuộc Chương trình hỗ trợ ứng dụng chuyển giao KH&CN phục vụ phát triển KT-XH các huyện biên giới của tỉnh giai đoạn 2020-2025: Triển khai, quản lý các nhiệm vụ chuyển tiếp từ các năm trước sang năm 2024 và các nhiệm vụ của năm 2024 được UBND tỉnh phê duyệt theo các trình tự, thủ tục được quy định tại Quyết định số 10/2019/QĐ-UBND ngày 21/01/2019. Kinh phí được phân bổ là 2.000.000.000 đồng/năm (Hai tỷ đồng/năm).

* Nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng năm 2024: Triển khai thực hiện

các nhiệm vụ TXTCN năm 2024 của Trung tâm KH&CN do Sở KH&CN phê duyệt được quy định tại Nghị định số 54/2016/NĐ-CP ngày 14/6/2016 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của tổ chức KH&CN công lập; Thông tư số 01/2017/TT-BKHCN ngày 12/01/2017 quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 54/2016/NĐ-CP ngày 14/6/2016 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của tổ chức KH&CN công lập và các văn bản khác có liên quan.

* Dự án nông thôn miền núi: Phối hợp với các đơn vị trực thuộc Bộ KH&CN hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra, đôn đốc các đơn vị chủ trì, các cá nhân chủ nhiệm đối với các nhiệm vụ đã được phê duyệt và ký kết Hợp đồng thực hiện từ các năm trước. Trên cơ sở tham mưu của Sở KH&CN, xem xét đề xuất thực hiện các dự án nông thôn miền núi bắt đầu thực hiện từ năm 2024.

II. Kế hoạch hoạt động quản lý nhà nước trong lĩnh vực KH, CN & ĐMST

1. Lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng

Giao Sở KH&CN triển khai các công việc sau:

- Tiếp tục triển khai Kế hoạch số 96/KH-UBND ngày 18/4/2022 của UBND tỉnh về Kế hoạch triển khai, áp dụng và quản lý hệ thống truy xuất nguồn gốc giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh; Kế hoạch “Tăng cường, đổi mới hoạt động đo lường hỗ trợ doanh nghiệp Việt Nam nâng cao năng lực cạnh tranh và hội nhập quốc tế giai đoạn đến năm 2025, định hướng đến năm 2030” trên địa bàn tỉnh Bình Phước; Kế hoạch nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến 2030 trên địa bàn tỉnh.

- Kiểm tra tình hình triển khai và áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 tại các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh.

- Thông báo, vận động các tổ chức, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh đăng ký tham dự Giải thưởng chất lượng quốc gia năm 2024. Hướng dẫn và tiếp nhận đăng ký kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhóm 2 nhập khẩu; hướng dẫn và thông báo tiếp nhận hồ sơ công bố hợp chuẩn.

- Hướng dẫn doanh nghiệp xây dựng và áp dụng tiêu chuẩn cơ sở. Phối hợp thanh tra, kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa với các đơn vị khi có yêu cầu.

- Tổ chức kiểm tra việc xây dựng và áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh.

- Kiểm tra chuyên ngành nhà nước về đo lường đối với chuẩn đo lường, phương tiện đo, phép đo, hàng đóng gói sẵn. Hướng dẫn và tiếp nhận hồ sơ công bố sử dụng dấu định lượng trên nhãn hàng đóng gói sẵn.

2. Lĩnh vực Sở hữu trí tuệ

Năm 2024, hoạt động sở hữu trí tuệ tiếp tục thực hiện các mục tiêu, phương hướng nêu trong các văn bản sau:

- Quyết định số 1068/QĐ-TTg ngày 22/8/2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược Sở hữu trí tuệ đến năm 2030.

- Quyết định số 2205/QĐ-TTg ngày 24/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình phát triển tài sản trí tuệ đến năm 2030.

- Nghị quyết Hội nghị Đảng bộ tỉnh Bình Phước lần thứ XI nhiệm kỳ 2020 - 2025 của Tỉnh ủy.

- Nghị quyết số 13/NQ-HĐND ngày 30/9/2021 của HĐND tỉnh quy định chính sách hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ và thương hiệu cho các sản phẩm, dịch vụ trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

- Nghị quyết số 24/2019/NQ-HĐND ngày 16/12/2019 của HĐND tỉnh quy định về nội dung và mức chi từ ngân sách nhà nước để thực hiện hoạt động sáng kiến, sáng tạo trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

- Quyết định số 19/2019/QĐ-UBND ngày 21/6/2019 của UBND tỉnh ban hành Quy định về Quản lý hoạt động sáng kiến trên địa bàn tỉnh.

* Các nhiệm vụ trọng tâm cần triển khai:

- Tổ chức triển khai có hiệu quả Chiến lược Sở hữu trí tuệ và Chương trình phát triển tài sản trí tuệ trên địa bàn tỉnh. Trong đó, trọng tâm triển khai Nghị quyết số 13/2021/NĐ-HĐND ngày 30/9/2021 của HĐND tỉnh quy định chính sách hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ và thương hiệu cho các sản phẩm, dịch vụ trên địa bàn tỉnh.

- Tổ chức quản lý chỉ dẫn địa lý “Hạt điều Bình Phước”.

- Tuyên truyền về sở hữu trí tuệ, sáng kiến, sáng tạo.

- Tổ chức hoặc tham gia các lớp đào tạo, tập huấn về sở hữu trí tuệ.

- Tư vấn, hướng dẫn cho các tổ chức, cá nhân về thủ tục pháp lý và kiến thức liên quan đến sở hữu trí tuệ theo nhu cầu.

- Đăng ký bảo hộ tài sản trí tuệ cho sản phẩm hạt điều Bình Phước ra nước ngoài.

- Bảo hộ, quản lý, phát triển tài sản trí tuệ cho các sản phẩm nông nghiệp của tỉnh gắn với đăng ký mã số vùng trồng, kiểm soát chất lượng và nguồn gốc sản phẩm được bảo hộ.

3. Lĩnh vực năng lượng nguyên tử

Giao Sở KH&CN tiếp tục thẩm định an toàn, cấp giấy phép tiến hành công việc bức xạ và chứng chỉ nhân viên bức xạ cho các cơ sở sử dụng thiết bị X - quang y tế khi phát sinh hồ sơ. Triển khai các nhiệm vụ khác có liên quan.

4. Công tác thông tin và thống kê KH&CN

Giao Sở KH&CN tiếp tục cập nhật thông tin trên các kênh thông tin của ngành KH&CN Bình Phước. Thực hiện báo cáo thống kê KH&CN theo thông tư 15/2018/TT-BKH&CN và báo cáo theo Thông tư số 14/2014/TT-BKH&CN ngày

11/6/2014 của Bộ trưởng Bộ KH&CN. Thực hiện điều tra nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ năm 2024 theo hướng dẫn của Bộ KH&CN. Cấp giấy chứng nhận đăng ký nhiệm vụ KH&CN sử dụng ngân sách nhà nước cho các đề tài đã được nghiệm thu. Đồng thời thực hiện giao nộp kết quả nhiệm vụ KH&CN có sử dụng ngân sách nhà nước theo Thông tư số 14/2014/TT-BKH&CN ngày 11/6/2014 của Bộ KH&CN cho Cục thông tin KH&CN để cập nhật vào dữ liệu nghiên cứu KH&CN của quốc gia.

5. Công tác quản lý công nghệ và phát triển thị trường KH&CN

* Năm 2024, hoạt động quản lý công nghệ và thị trường KH&CN tiếp tục thực hiện các mục tiêu, phương hướng nêu trong các văn bản sau:

- Thông tư số 06/2021/TT-BKH&CN ngày 18/6/2021 của Bộ KH&CN hướng dẫn quản lý Chương trình đổi mới công nghệ quốc gia đến năm 2030.

- Nghị quyết Hội nghị Đảng bộ tỉnh Bình Phước lần thứ XI nhiệm kỳ 2020 - 2025 của Tỉnh ủy.

- Tổ chức triển khai có hiệu quả Nghị quyết số 12/2021/NQ-HĐND ngày 30/9/2021 của HĐND tỉnh quy định chính sách hỗ trợ tổ chức, cá nhân đầu tư, đổi mới thiết bị, công nghệ trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

* Các nhiệm vụ cần tập trung triển khai:

- Hướng dẫn, quản lý hoạt động chuyển giao công nghệ trên địa bàn; chứng nhận doanh nghiệp KH&CN trên địa bàn theo quy định của pháp luật; tổ chức, tham gia các chợ công nghệ và thiết bị trong nước và quốc tế; hướng dẫn, kiểm tra hoạt động của sàn giao dịch công nghệ và hướng dẫn thực hiện việc khảo sát, điều tra đánh giá trình độ công nghệ trên địa bàn theo quy định.

- Tổng hợp các tổ chức doanh nghiệp có nhu cầu tham gia chương trình hỗ trợ đổi mới thiết bị công nghệ; Hợp Hội đồng xét chọn tổ chức doanh nghiệp tham gia chương trình hỗ trợ đổi mới thiết bị công nghệ. Triển khai ký hợp đồng với các tổ chức doanh nghiệp tham gia chương trình hỗ trợ đổi mới thiết bị công nghệ. Tổ chức điều tra thị trường công nghệ, hỗ trợ tổ chức cá nhân đầu tư, đổi mới thiết bị, công nghệ trên địa bàn tỉnh.

6. Công tác phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo

* Năm 2024, hoạt động phát triển hệ sinh thái KN, ĐMST thực hiện các mục tiêu, phương hướng nêu trong các văn bản sau:

- Quyết định số 844/QĐ-TTg ngày 18/5/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án hỗ trợ hệ sinh thái KN, ĐMST quốc gia đến năm 2025 và Quyết định số 188/QĐ-TTg ngày 09/02/2021 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 844/QĐ-TTg ngày 18/5/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án hỗ trợ hệ sinh thái KN, ĐMST Quốc gia đến năm 2025.

- Kế hoạch số 121/KH-UBND ngày 07/04/2023 của UBND tỉnh về hỗ trợ hệ sinh thái KN, ĐMST trên địa bàn tỉnh Bình Phước, giai đoạn 2022-2025.

* Một số nhiệm vụ trọng tâm cần tập trung triển khai năm 2024: Tiếp tục tổ

chức thực hiện hiệu quả Kế hoạch số 121/KH-UBND ngày 07/04/2023 của UBND tỉnh về hỗ trợ hệ sinh thái KN, ĐMST trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2022-2025.

7. Về hoạt động sáng kiến

- Tổ chức tiếp nhận và tổng hợp, xử lý các hồ sơ sáng kiến thuộc thẩm quyền giải quyết của Hội đồng Sáng kiến cấp tỉnh.

- Tổ chức các hoạt động của Tổ Thư ký, Tổ chuyên môn tham mưu cho Hội đồng sáng kiến cấp tỉnh họp xét thông qua các hồ sơ sáng kiến.

- Tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, cá nhân liên quan về trình tự, thủ tục, hồ sơ đề nghị công nhận sáng kiến theo Quyết định số 19/2019/QĐ-UBND ngày 21/6/2019 của UBND tỉnh ban hành Quy định về quản lý hoạt động sáng kiến trên địa bàn tỉnh Bình Phước; phổ biến Nghị quyết số 24/2019/NQ-HĐND ngày 16/12/2019 của HĐND tỉnh Quy định về nội dung và mức chi từ ngân sách nhà nước để thực hiện hoạt động sáng kiến, sáng tạo trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

8. Công tác thanh tra, kiểm tra

- Thành lập và tiến hành 14 Đoàn thanh tra, kiểm tra, gồm: 01 Đoàn thanh tra theo Kế hoạch về Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; 01 Đoàn thanh tra thường xuyên về An toàn bức xạ và hạt nhân; 03 Đoàn thanh tra thường xuyên về Tiêu chuẩn, đo lường và chất lượng sản phẩm, hàng hóa; 05 Đoàn Thanh tra theo sự chỉ đạo của Bộ KH&CN; UBND tỉnh và Giám đốc Sở KH&CN và 04 Đoàn kiểm tra Nhà nước về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng sản phẩm, hàng hóa lưu thông trên thị trường.

- Thực hiện công tác triển khai ngày pháp luật và tuyên truyền phổ biến, giáo dục pháp luật hàng tháng và công tác pháp chế theo kế hoạch năm 2024.

- Tham mưu thành lập và tiến hành thanh tra, kiểm tra đột xuất (khi có yêu cầu, phát sinh). Cử công chức tiếp dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh theo quy định.

9. Hoạt động KH&CN khác

- Tổ chức các hoạt động kỷ niệm ngày KH&CN Việt Nam năm 2024 theo hướng dẫn của Bộ KH&CN.

- Tổ chức Hội thi Sáng tạo kỹ thuật lần thứ VIII, Cuộc thi Sáng tạo Thanh thiếu niên nhi đồng lần thứ XVII.

C. DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC VỀ KH&CN NĂM 2024

Kèm theo các biểu Phụ lục 2 gồm: TK2-1; TK2-2; TK2-3; TK2-4; TK2-5.

D. ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH KH, CN & ĐMST ĐẾN NĂM 2025

Sau khi rà soát nội dung Kế hoạch số 986/KH-KHCN ngày 10/8/2020, căn cứ vào mục tiêu, định hướng chủ yếu phát triển KH, CN & ĐMST của tỉnh Bình Phước giai đoạn 2021-2025; tỉnh Bình Phước không có đề xuất điều chỉnh, bổ sung về nội dung và giải pháp kế hoạch KH, CN & ĐMST đến năm 2025.

UBND tỉnh Bình Phước báo cáo Bộ Khoa học và Công nghệ xem xét./.

(Kèm theo các Biểu Phụ lục 1 gồm: TK1-1; TK1-2; TK1-3; TK1-4; TK1-5; TK1-6; TK1-7; TK1-8 và các Biểu Phụ lục 2 gồm: TK2-1; TK2-2; TK2-3; TK2-4; TK2-5).

Nơi nhận:

- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- TTTU, TT HĐND tỉnh,
BTT UBMTTQVN tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- LĐVP, các Phòng;
- Lưu VT, PVX (Nga.KH25/23).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Trần Tuyết Minh

**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
NĂM 2022 VÀ 06 THÁNG ĐẦU NĂM 2023**

STT	Nội dung	Đơn vị chủ trì, tác giả	Tóm tắt nội dung	Ghi chú
I	Bài báo, công bố, giải pháp, kiến nghị, ấn phẩm khoa học			<i>Ghi rõ các bài báo được đăng trên các tạp chí trong nước và tạp chí quốc tế trong danh sách ISI, Scopus.</i>
1	Bình Phước phát triển logistics nhằm biến tiềm năng thành lợi thế để tăng trưởng	Trường Đại học Kinh tế Quốc dân GS.TS. Đặng Đình Đào (Trường ĐH Kinh tế Quốc dân), TS. Đặng Hà Giang (Sở KH&CN tỉnh Bình Phước)	Logistics có vai trò rất quan trọng đối với nền kinh tế, là công cụ liên kết và tối ưu hóa các chu trình lưu chuyển của hoạt động sản xuất, kinh doanh. Mặt khác logistics còn có thể giúp các nhà hoạch định chính sách, các nhà quản lý đưa ra những quyết định chính xác trong hoạt động quản lý sự phát triển của nền kinh tế. Bài viết phân tích về phát triển logistics, trung tâm logistics như là mô hình kinh doanh nhằm thực hiện hiệu quả liên kết kinh tế giữa các địa phương và vùng lãnh thổ, để biến tiềm năng thành lợi thế phát triển của tỉnh Bình Phước tại vùng Kinh tế trọng điểm phía Nam và với Tây Nguyên	Tạp chí Kinh tế và Dự báo Số 07 - Tháng 3/2022 ISSN 1859-4972
2	Bình Phước đẩy mạnh phát triển hạ tầng logistics để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế nhanh và bền vững	Trường Đại học Kinh tế Quốc dân GS.TS. Đặng Đình Đào (Trường ĐH Kinh tế Quốc dân), TS. Đỗ Thanh Thu	Việc đầu tư xây dựng các KCN logistics, trung tâm logistics dành cho các DN logistics, tiến tới hình thành thị trường BDS logistics có ý nghĩa rất quan trọng cho sự phát triển nhanh và bền vững của địa phương, cũng như phát triển kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế. Phát huy lợi thế để phát triển hạ tầng logistics trên địa bàn tỉnh Bình Phước theo hướng tận dụng các cơ hội phát triển BDS logistics nhằm thu hút các nhà đầu tư logistics trong và ngoài nước, chính là hướng đi đột phá thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, hiện thực hóa các mục tiêu của ĐH Đảng bộ tỉnh lần thứ XI. Nhiệm kỳ 2020-2025.	Tạp chí Kinh tế và Dự báo Số 29 - Tháng 10/2022 ISSN 1859-4972

STT	Nội dung	Đơn vị chủ trì, tác giả	Tóm tắt nội dung	Ghi chú
		(Trường ĐH Thủy lợi)		
3	Phát triển hạ tầng và luật hóa bất động sản Logistics Việt Nam	Trường Đại học Kinh tế Quốc dân GS.TS. Đặng Đình Đào (Trường ĐH Kinh tế Quốc dân) TS. Nguyễn Phương Lan (Trường ĐH Kinh tế Quốc dân)	Xây dựng và phát triển cơ sở hạ tầng logistics, trước hết là các khu công nghiệp logistics, cụm logistics và trung tâm logistics và luật hóa các bất động sản logistics này ở Việt Nam là rất cần thiết và cấp bách hiện nay. Việc luật hóa bất động sản logistics và thị trường bất động sản logistics, đưa các vấn đề này vào Luật đất đai sửa đổi lần này lại càng có ý nghĩa quan trọng hơn bao giờ hết và là yếu tố quan trọng cho sự phát triển kinh tế nhanh và bền vững.	Việt Nam Logistics ISSN 2354-0796 Số 180 Tháng 10/2022

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ NỔI BẬT
NĂM 2022 VÀ 06 THÁNG ĐẦU NĂM 2023

STT	Tên sản phẩm/công trình/công nghệ	Xuất xứ <i>(Ghi rõ xuất xứ của nhiệm vụ ...)</i>	Hiệu quả kinh tế-xã hội <i>(Giải trình chi tiết giá trị làm lợi so sánh với sản phẩm công nghệ cùng loại, ý nghĩa kinh tế xã hội, môi trường...)</i>	Ghi chú
1	Âm nhạc của người S'tiêng Bình Phước - Khảo cứu, bảo tồn và phát triển	<ul style="list-style-type: none"> - Đề tài khoa học cấp tỉnh “Âm nhạc của người S'tiêng Bình Phước - Khảo cứu, bảo tồn và phát triển” - Cơ quan chủ trì: Trường Đại học Sài Gòn. - Kinh phí: 806,881triệu đồng 	<ul style="list-style-type: none"> - Nhóm nghiên cứu đã điền dã, ghi chép, thu thập thực tế diễn xướng dân ca, dân nhạc, thực hành dân vũ, dân ca trong sinh hoạt văn hóa người S'tiêng ở Bình Phước hiện nay. Hệ thống hóa tư liệu; đồng thời, đã xây dựng mô hình biểu diễn - Biên tập 2 chương trình dân ca - dân nhạc - dân vũ giới thiệu ở đài phát thanh truyền hình và báo Bình Phước; dự thảo phương án, mô hình bảo tồn, khai thác và phát triển các nhạc cụ, các chương trình tiết mục nghệ thuật của người S'tiêng ở Bình Phước - Kết quả nghiên cứu có tính thực tiễn cao, phù hợp với điều kiện của tỉnh Bình Phước, với xu hướng bảo tồn, phát triển văn hóa ở Việt Nam và các quốc gia trong khu vực hiện nay. Đồng thời, việc nghiên cứu âm nhạc S'tiêng ở Bình Phước còn dựa trên những quan điểm xác hợp của ngành âm nhạc dân tộc học (đặt đối tượng nghiên cứu trong các mối quan hệ với môi trường lịch sử, tự nhiên, xã hội đã và đang tác động đến truyền thống thực hành của cộng đồng, đến không gian sinh tồn của loại hình âm nhạc ...) đang là xu thế nghiên cứu âm nhạc của các tộc người được ứng dụng ở các quốc gia phát triển trên thế giới. Do vậy, đề tài đã góp phần quan trọng trong việc khẳng định hướng đi đúng đắn trong nghiên cứu âm nhạc tộc người thiểu số ở Việt Nam. 	

**KẾT QUẢ CỦA CHƯƠNG TRÌNH KH&CN CẤP QUỐC GIA
NĂM 2022 VÀ 06 THÁNG ĐẦU NĂM 2023 (NẾU CÓ)**

STT	Tên Chương Trình/Đề án	Chỉ tiêu/Mục tiêu đề ra	Kết quả đã đạt được	Đánh giá mức độ hoàn thành (%)	Lý do
1	Không có				

NHÂN LỰC VÀ TỔ CHỨC KH&CN

Số TT	Tên tổ chức nghiên cứu & phát triển	Số giấy phép đăng ký hoạt động KH&CN và cơ chế hoạt động ¹⁴	Nhân lực hiện có đến 30/6/2023						Kinh phí chi nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng từ NSNN năm 2022 (tr.đ)	Ghi chú (công lập/ngoài công lập)
			Tổng số	Trong đó hưởng lương SNKH						
				Tổng số	Nghiên cứu viên cao cấp/Kỹ sư cao cấp	Nghiên cứu viên chính/Kỹ sư chính	Nghiên cứu viên/Kỹ sư	Trợ lý nghiên cứu/Kỹ thuật viên		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5) =(6÷9)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
I	Các đơn vị do cấp bộ, cơ quan TW, địa phương quyết định thành lập									
1	Trung tâm KH&CN	Số 04/ĐK-SKH&CN	23	0	0	0	0	0		Công lập
2	Ban Quản lý Khu Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao	Số 03/ĐK-SKH&CN	16	0	0	0	0	0		Công lập
3	Trung tâm Khuyến công và tư vấn phát triển công nghiệp	Số 01/ĐK-SKH&CN	17	0	0	0	0	0		Công lập
4	Trung tâm Khí tượng Thủy văn tỉnh Bình Phước	Số 02/ĐK-SKH&CN	7	0	0	0	0	0		Công lập
	TỔNG		63	0	0	0	0	0		
II	Các đơn vị do cấp khác thành lập được giao cho bộ, cơ quan TW, địa phương trực tiếp quản lý									

¹⁴ Cơ chế hoạt động đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt thuộc 1 trong 4 loại theo Nghị định 54/2016/NĐ-CP

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ KH&CN
NĂM 2022 VÀ 06 THÁNG ĐẦU NĂM 2023

Số TT	Nội dung công việc	Đơn vị	Kết quả đạt được (số lượng)	
			Năm 2022	6 tháng đầu năm 2023
I	Số nhiệm vụ KH&CN được triển khai			
	Nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh (06 tháng đầu năm 2023 danh mục phê duyệt 07 nhiệm vụ, chưa họp tuyển chọn)		05	07
1	Lĩnh vực tự nhiên	N.vụ	0	0
2	Lĩnh vực kỹ thuật và công nghệ	N.vụ	1	3
3	Lĩnh vực nông nghiệp	N.vụ	2	3
4	Lĩnh vực y, dược	N.vụ	0	0
5	Lĩnh vực xã hội	N.vụ	2	1
6	Lĩnh vực nhân văn	N.vụ	0	0
	Nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở		15	05
1	Lĩnh vực tự nhiên	N.vụ	0	0
2	Lĩnh vực kỹ thuật và công nghệ	N.vụ	0	02
3	Lĩnh vực nông nghiệp	N.vụ	14	0
4	Lĩnh vực y, dược	N.vụ	0	0
5	Lĩnh vực xã hội	N.vụ	01	03
6	Lĩnh vực nhân văn	N.vụ	0	0
II	Công tác đánh giá, thẩm định, giám định và chuyển giao công nghệ			
1	Thẩm định/có ý kiến về công nghệ dự án đầu tư	DA	0	0
2	Thẩm định hợp đồng chuyển giao công nghệ	HĐ	0	0
3	Giám định công nghệ	CN	0	0
III	Công tác phát triển năng lượng nguyên tử, an toàn bức xạ hạt nhân		0	0
1	Số nguồn phóng xạ kín		0	0
-	Số nguồn phóng xạ được lắp đặt mới	Nguồn	0	0
-	Số nguồn phóng xạ đã qua sử dụng	Nguồn	0	0
2	Số thiết bị bức xạ được lắp đặt mới		0	0
-	Trong lĩnh vực Y tế	Thiết bị	0	0
-	Trong lĩnh vực Công nghiệp	Thiết bị	0	0
-	Trong An ninh hải quan	Thiết bị	0	0
3	Lượng đồng vị, dược chất phóng xạ được sử dụng trong Y tế	Curie (Ci)	0	0
4	Thẩm định công nghệ các dự án đầu tư ứng dụng bức xạ và đồng vị phóng xạ	Dự án	0	0
5	Thẩm định hợp đồng chuyển giao công nghệ bức xạ và đồng vị phóng xạ	Hợp đồng	0	0
6	Hướng dẫn hồ sơ cấp phép cho các cơ sở	Cơ sở	40	09
7	Thẩm định, cấp phép hoạt động cho các cơ sở đạt tiêu chuẩn An toàn bức xạ	Giấy phép	40	09
IV	Công tác Sở hữu trí tuệ			
1	Số hồ sơ hướng dẫn các tổ chức, cá nhân xác lập và bảo	Hồ sơ	34	5

	vệ quyền sở hữu trí tuệ			
2	Số đơn nộp đăng ký	Đơn	3	0
3	Số văn bằng được cấp	Văn bằng	1	0
4	Số vụ xử lý xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp	Vụ	4	0
5	Số các dự án phát triển tài sản trí tuệ được hỗ trợ	DA	1	0
6	Số sáng kiến được Hội đồng Sáng kiến tỉnh công nhận	SK	38	1
V	Công tác thông tin và thống kê KH&CN			
1	Bổ sung, phát triển nguồn tài liệu (tài liệu giấy, tài liệu điện tử, cơ sở dữ liệu trực tuyến, ...)	Tài liệu/biểu ghi/CSDL	0	0
2	Ấn phẩm thông tin đã phát hành	Ấn phẩm, phút		
2.1	<i>Tạp chí/bản tin KH&CN</i>	<i>Tạp chí/bản tin</i>	0	0
2.2	<i>Phóng sự trên đài truyền hình</i>	<i>Buổi phát</i>	24	12
3	Xây dựng CSDL (CSDL mới, cập nhập biểu ghi trong CSDL, số hóa tài liệu đưa vào CSDL, ...)	CSDL/biểu ghi/trang tài liệu	0	0
4	Thông tin về nhiệm vụ KH&CN			
4.1	<i>Nhiệm vụ KH&CN đang tiến hành (năm 2022: 29 nhiệm vụ, trong đó: 24 đề tài chuyển tiếp, 5 đề tài mở mới; 06 tháng đầu năm 2023: 24, trong đó: 17 đề tài chuyển tiếp, 07 đề tài mở mới)</i>	<i>N.vụ</i>	29	24
4.2	<i>Nhiệm vụ KH&CN đã đăng ký kết quả thực hiện</i>	<i>N.vụ</i>	8	4
4.3	<i>Nhiệm vụ KH&CN được ứng dụng</i>	<i>N.vụ</i>	4	1
5	Thống kê KH&CN			
5.1	Số cuộc điều tra/ số phiếu thu được tương ứng	Số cuộc/số phiếu	0	0
5.2	Báo cáo thống kê cơ sở	Báo cáo	0	0
5.3	Báo cáo thống kê tổng hợp	Báo cáo	0	0
6	Kết quả khác (nếu nổi trội)			
VI	Công tác tiêu chuẩn – đo lường – chất lượng			
1	Số phương tiện đo được kiểm định	Phương tiện	62.625	26.127
2	Số lượng Tiêu chuẩn kỹ thuật mới được áp dụng	Tiêu chuẩn	02	02
3	Số lượng Quy chuẩn kỹ thuật mới được áp dụng	Quy chuẩn	01	01
4	Số đơn vị hành chính nhà nước đã công bố áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo TCVN ISO 9001:2008, ISO 9001:2015 (thống kê đơn vị cấp tỉnh, cấp huyện và cấp xã đến năm 2022 là 127 đơn vị)	Đơn vị	127	0
5	Số cuộc kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa	Cuộc	05	00
6	Số mẫu được thử nghiệm và thông báo kết quả	Mẫu	130	67
VII	Công tác thanh tra			
1	Số cuộc thanh tra	Cuộc	11	04
2	Số lượt đơn vị thanh tra	Đơn vị	124	42
3	Số vụ vi phạm phát hiện xử lý (nếu có)	Vụ	01	01
4	Số tiền xử phạt (nếu có)	Trđ	2	6
VIII	Hoạt động đổi mới công nghệ			

1	Số nhiệm vụ hỗ trợ đổi mới công nghệ cho doanh nghiệp do các bộ, tỉnh/thành phố trực thuộc TW phê duyệt	N.vụ	0	0
2	Số doanh nghiệp có hoạt động đổi mới công nghệ ¹⁵	DN	0	0
3	Số doanh nghiệp có hoạt động sản xuất, kinh doanh trong năm	Doanh nghiệp	0	0
4	Số công nghệ được chuyển giao, đưa vào ứng dụng	Công nghệ	0	0
5	Số hợp đồng chuyển giao công nghệ được thực hiện	HĐ	0	0
6	Tổng giá trị hợp đồng chuyển giao công nghệ	Tr.đ	0	0
IX	Công tác sử dụng, trọng dụng cá nhân hoạt động KH&CN			
1	Bổ nhiệm đặc cách vào hạng chức danh nghiên cứu khoa học, chức danh công nghệ	Người	0	0
2	Thăng hạng đặc cách vào hạng chức danh nghiên cứu khoa học, chức danh công nghệ	Người	0	0
3	Kéo dài thời gian công tác	Người	0	0
4	Trọng dụng nhà khoa học đầu ngành	Người	0	0
5	Trọng dụng nhà khoa học trẻ tài năng	Người	0	0
6	Trọng dụng nhà khoa học được giao chủ trì nhiệm vụ cấp quốc gia đặc biệt quan trọng	Người	0	0
X	Công tác hỗ trợ hình thành và phát triển doanh nghiệp KH&CN			
1	Hỗ trợ và hình thành phát triển doanh nghiệp KH&CN	Doanh nghiệp	0	0
2	Thành lập cơ sở ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp KH&CN	Cơ sở	0	0
3	Hỗ trợ cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp, các nhóm nghiên cứu mạnh được ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp KH&CN tại các cơ sở và đầu mối ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp KH&CN	Đối tượng	0	0
4	Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng cho đối tượng thành lập doanh nghiệp KH&CN	Đối tượng	0	0
5	Hỗ trợ các tổ chức khoa học và công nghệ công lập chưa chuyển đổi thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm	Đơn vị	0	0
XI	Công tác phát triển thị trường KH&CN			
1	Giá trị giao dịch mua bán các sản phẩm và dịch vụ KH&CN trên thị trường	Tr.đ	0	0
2	Tỷ trọng giao dịch mua bán tài sản trí tuệ trên giá trị giao dịch mua bán các sản phẩm và dịch vụ KH&CN	%	0	0
XII	Hỗ trợ Hệ sinh thái khởi nghiệp ĐMST quốc gia			

¹⁵ Doanh nghiệp trong năm có một trong các hoạt động sau đây được coi là có đổi mới công nghệ:

- Thực hiện nghiên cứu phát triển công nghệ có kết quả được chuyển giao, đánh giá, nghiệm thu hoặc ứng dụng vào sản xuất, kinh doanh hoặc có đăng ký sở hữu trí tuệ (sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp).
- Có nhận chuyển giao công nghệ hoặc đầu tư, mua sắm mới hoặc nâng cấp máy móc, thiết bị hoặc thay đổi quy trình sản xuất để tạo ra sản phẩm mới, cải tiến sản phẩm hoặc sản xuất hiệu quả hơn (giảm giá thành sản xuất sản phẩm; giảm tiêu thụ năng lượng; nguyên, nhiên, vật liệu; giảm phát thải, đạt các chỉ tiêu về môi trường; ...).
- Đưa vào áp dụng các hệ thống quản lý, mô hình, công cụ cải tiến năng suất và chất lượng như: ISO; HACCP; GMP (thực hành sản xuất tốt); KPI (Đo lường hiệu suất); TPM (duy trì năng suất toàn diện); TQM (quản lý chất lượng toàn diện); PMS (cải tiến năng suất toàn diện); thực hành 5S, Six Sigma, Kaizen, ...
- Đạt được các tiêu chuẩn, chứng nhận chuyên ngành: VietGap, Global Gap, GMP, BRC (Tiêu chuẩn thực phẩm toàn cầu),... hoặc nâng cấp lên mức tiêu chuẩn cao hơn (ví dụ: GMP-ASEAN → GMP-WHO → PIC/S → EU-GMP) hoặc đạt được các chứng chỉ quốc tế (chứng chỉ ASTM của Mỹ; JISG3505, JIS3112 của Nhật Bản; ...).

1	Số doanh nghiệp khởi nghiệp ĐMST được hình thành (doanh nghiệp có khả năng tăng trưởng nhanh dựa trên khai thác tài sản trí tuệ, công nghệ, mô hình kinh doanh mới)	Doanh nghiệp	0	0
2	Số lượng dự án khởi nghiệp ĐMST được hỗ trợ	Dự án	0	0
3	Số lượng doanh nghiệp khởi nghiệp ĐMST được hỗ trợ	Doanh nghiệp	0	0
4	Số lượng doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo tham gia gọi vốn được từ các nhà đầu tư mạo hiểm, thực hiện mua bán và sáp nhập/tổng giá trị	Doanh nghiệp/ tổng giá trị	0	0
5	Số lượng các tổ chức ươm tạo, hỗ trợ khởi nghiệp ĐMST	Tổ chức	0	0

VĂN BẢN VỀ KH&CN ĐƯỢC BAN HÀNH
NĂM 2022 VÀ 06 THÁNG ĐẦU NĂM 2023

Số TT	Tên văn bản	Ngày tháng ban hành	Cơ quan ban hành		
			Tỉnh ủy	HĐND	UBND
1	Kế hoạch số 96/KH-UBND ngày 18/4/2022 về triển khai, áp dụng và quản lý hệ thống truy xuất nguồn gốc giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Bình Phước.	18/4/2022			x
2	Kế hoạch số 223/KH-UBND ngày 28/7/2022 về triển khai thực hiện Quyết định số 1158/QĐ-TTg ngày 13/07/2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chương trình phát triển thị trường khoa học và công nghệ quốc gia đến năm 2030.	28/7/2022			x
3	Kế hoạch số 264/KH-UBND ngày 16/9/2022 về xây dựng và áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 vào hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước cấp xã thuộc huyện Bù Gia Mập và huyện Bù Đốp năm 2022	16/9/2022			x
4	Kế hoạch 299/KH-UBND ngày 17/10/2022 về nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ trong các lĩnh vực giai đoạn 2021-2025	17/10/2022			x
5	Kế hoạch số 324/KH-UBND ngày 31/10/2022 về ban hành hoạt động sản giao dịch công nghệ và thiết bị tỉnh Bình Phước giai đoạn 2022-2025	31/10/2022			x
6	Kế hoạch số 121/KH-UBND ngày 07/04/2023 của UBND tỉnh về hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh Bình Phước, giai đoạn 2022-2025.	07/4/2023			x
7	Kế hoạch số 153-KH/TU ngày 11/4/2023 về Triển khai thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 30/01/2023 của Bộ Chính trị về phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học phục vụ phát triển bền vững đất nước.	11/4/2023	x		
8	Quyết định số 596/QĐ-UBND ngày 17/4/2023 của UBND tỉnh về ban hành Quy định về hồ sơ, trình tự, thủ tục, hội	17/4/2023			x

	đồng tham định thực hiện chính sách hỗ trợ tổ chức, cá nhân đầu tư, đổi mới thiết bị, công nghệ trên địa bàn tỉnh Bình Phước theo Nghị quyết số 12/2021/NQ-HĐND ngày 30/9/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước.				
9	Kế hoạch số 142/KH-UBND ngày 05/5/2023 về tổ chức các hoạt động kỷ niệm ngày KH&CN Việt Nam năm 2023	05/5/2023			x
10	Kế hoạch Số: 916 /KH-UBND ngày 02/6/2023 về thành lập BTC Hội thảo khoa học và Techmart chuyên ngành Điều	02/6/2023			x

Bộ KHCN
UBND tỉnh Bình Phước

Phụ lục 1
Biểu TK1-7

**KẾT QUẢ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN
CƠ CHẾ KHOẢN ĐỐI VỚI NHIỆM VỤ KH&CN
NĂM 2022 VÀ 06 THÁNG ĐẦU NĂM 2023**

Số nhiệm vụ triển khai năm 2022 và 06 tháng đầu năm 2023		
Tổng số	Khoản đến sản phẩm cuối cùng	Khoản từng phần
Cấp Bộ, Tỉnh	0	05
Cấp cơ sở	0	20

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG
CỦA QUỸ PHÁT TRIỂN KH&CN BỘ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG

Quyết định thành lập (số, ngày tháng năm)	Vốn điều lệ (Triệu đồng)	Hoạt động tài trợ, cho vay, bảo lãnh vốn vay,		Giải ngân (Triệu đồng)		Ghi chú
		Nội dung	Tổng kinh phí (Triệu đồng)	Năm 2022	06 tháng đầu năm 2023	
Quyết định số 1609/QĐ-UBND ngày 09/7/2010 của UBND tỉnh	10.000	Tài trợ	0	0	0	Đã cho 03 doanh nghiệp vay vốn với số tiền là 9 tỷ đồng; năm 2021 đã có 02 doanh nghiệp trả nợ vay với số tiền là 1 tỷ đồng; số tiền các doanh nghiệp còn nợ chưa trả là 8 tỷ đồng (đến nay đã hết thời hạn cho vay mà các doanh nghiệp vẫn chưa trả nợ).
		Cho vay	0	0	0	
		Bảo lãnh vốn vay		0	0	

KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH/NHIỆM VỤ
KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP BỘ, TỈNH NĂM 2024

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tên Chương trình/tên nhiệm vụ	Quyết định phê duyệt nhiệm vụ	Thời gian thực hiện	Tổng kinh phí đã phê duyệt nhiệm vụ							Đơn vị chủ trì
				Tổng số	Nguồn NSNN			Nguồn khác			
					Tổng số	Đã bố trí đến hết năm 2023	Dự kiến năm 2024	Số còn lại	Số đã thực hiện năm trước	Dự kiến thực hiện trong năm 2024	
A	B	1	2	3	4	5	6	7=4-5-6	8	9	10
	Tổng cộng			85.663,944	80.965,003	32.991,559	29.337,946	18.365,498	4.098,941	0	
I	Nhiệm vụ cấp Bộ (ngân sách địa phương đối ứng)			800	800	0	800	0	0	0	
1	Nhiệm vụ cấp Bộ chuyên tiếp sang năm 2024			800	800	0	800	0	0	0	
	Nghiên cứu giải pháp công trình bổ cập nước ngầm từ hệ thống thủy lợi trong mùa mưa để ứng phó với hạn hán trên địa bàn tỉnh Bình Phước	Quyết định số 1916/QĐ-UBND ngày 23/7/2021 của UBND tỉnh Bình Phước	2021-2023	800	800	0	800	0	0	0	Viện Thủy Công

2	Nhiệm vụ cấp Bộ mới			0	0	0	0	0	0	0	
II	Nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh			31.417,572	31.417,572	19.261,210	6.966,907	5.189,455	0	0	
1	Nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh năm 2023 chuyển tiếp sang năm 2024			25.417,572	25.417,572	19.261,210	3.966,907	2.189,455	0	0	
1.1	Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ xây dựng mô hình sản xuất thực nghiệm các sản phẩm có giá trị gia tăng từ thịt quả điều tại tỉnh Bình Phước	Quyết định số 3300/QĐ-UBND ngày 28/12/2020 của UBND tỉnh Bình Phước	2020 - 2023	1.398,292	1.398,292	1.398,292					Trung tâm KH&CN tỉnh Bình Phước
1.2	Đánh giá khả năng thích nghi đất đai, phân vùng định hướng phát triển cây ăn quả đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Bình Phước	Quyết định số 3173/QĐ-UBND ngày 06/12/2020 của UBND tỉnh Bình Phước	2020 - 2023	1.472,766	1.472,766	1.472,766					Phân viện Quy hoạch và thiết kế nông nghiệp
1.3	Khảo sát phong phóng xạ môi trường và xây dựng bản đồ phong phóng xạ môi trường tỉnh Bình Phước	Quyết định số 3299/QĐ-UBND ngày 20/12/2020 của UBND tỉnh Bình Phước	2020 - 2023	2.365,041	2.365,041	2.365,041					Trung tâm KH&CN tỉnh Bình Phước

1.4	Phân tích, xác định các chất có giá trị dược liệu và xây dựng mô hình trồng nấm Linh Chi (<i>Ganoderma</i> sp.) mọc trên thân cây họ tre nứa trong môi trường nhân tạo và xâm nhiễm vào môi trường tự nhiên tại Vườn Quốc gia Bù Gia Mập	Quyết định số 2331/QĐ-UBND ngày 09/9/2021 của UBND tỉnh Bình Phước.	2021 - 2024	1.147,788	1.147,788	1.147,788					BQL Vườn Quốc gia Bù Gia Mập
1.5	Ứng dụng công nghệ sản xuất cá rô phi toàn đực và đánh giá khả năng phát triển, hiệu quả kinh tế của cá rô phi nuôi thương phẩm trên địa bàn tỉnh Bình Phước	Quyết định số 1911/QĐ-UBND ngày 22/7/2021 của UBND tỉnh Bình Phước.	2021 - 2023	952,152	952,152	952,152					Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp tỉnh Bình Phước
1.6	Giải pháp nâng cao chất lượng giám sát trong hệ thống Mật trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh.	Quyết định số 3153/QĐ-UBND ngày 16/12/2021 của UBND tỉnh Bình Phước	2021 - 2023	508,03074	508,03074	508,03074					UBMTTQVN tỉnh Bình Phước
1.7	Phát triển hệ thống phần mềm quản lý trang trại chăn nuôi, giám sát tình hình dịch bệnh bằng công nghệ GIS.	Quyết định số 3348/QĐ-UBND ngày 31/12/2021	2021 - 2023	1.364,929	1.364,929	1.364,929					Viện KHCN và UD, Trường Đại học Quy Nhơn

		của UBND tỉnh Bình Phước									
1.8	Ứng dụng chỉ thị phân tử để đánh giá các dòng điều triển vọng tại tỉnh Bình Phước	Quyết định số 3355/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND tỉnh Bình Phước.	2021-2024	1.456,167	1.456,167	1.456,167					Viện Di truyền Nông nghiệp
1.9	Nghiên cứu tuyển chọn và phát triển sản xuất các giống cam sạch bệnh, không hạt, năng suất, chất lượng cao tại tỉnh Bình Phước	Quyết định số 3354/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND tỉnh Bình Phước.	2021 - 2024	1.610,391	1.610,391	1.610,391					Viện Di truyền Nông nghiệp
1.10	Nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức cơ sở Đảng thuộc các Đảng bộ huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh Bình Phước hiện nay	Quyết định số 3009/QĐ-UBND ngày 25/11/2021 của UBND tỉnh Bình Phước.	2021 - 2023	485,659	485,659	485,659					
1.11	Nghiên cứu thực trạng và giải pháp nâng cao chất lượng công tác thực hành quyền công tố, kiểm sát điều tra các vụ án	Quyết định số 28/QĐ-UBND ngày 09/01/2023 của UBND	2023-2025	473,863	473,863	236,9315	142,1589	94,7726	0	0	Viện Kiểm sát Nhân dân tỉnh Bình Phước

	xâm phạm tình dục trẻ em trên địa bàn tỉnh Bình Phước	tỉnh Bình Phước.									
1.12	Kiểm soát quyền lực trong thực hiện mô hình Bí thư cấp ủy đồng thời là Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn và huyện, thị xã trên địa bàn tỉnh	Quyết định số 27/QĐ-UBND ngày 09/01/2023 của UBND tỉnh Bình Phước	2023-2025	625,418	625,418	312,709	187,6254	125,0836	0	0	Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy Bình Phước
1.13.	Nghiên cứu tách chiết và thu nhận cao chiết giàu dẫn xuất catechin có hoạt tính sinh học từ vỏ lụa hạt điều (<i>Anacardium occidentale</i> L.) phế phẩm tại Bình Phước ứng dụng tạo sản phẩm chức năng	Quyết định số 710/QĐ-UBND ngày 05/5/2023 của UBND tỉnh Bình Phước	2023-2025	1.677,169	1.677,169	810,540	503,1507	363,4783	0	0	Trung tâm Công nghệ sinh học TP. Hồ Chí Minh
1.14	Nghiên cứu thành phần sinh vật gây hại cây Sầu riêng và xây dựng Quy trình kỹ thuật phòng chống tổng hợp tại tỉnh Bình Phước	Quyết định số 227/QĐ-UBND ngày 23/02/2023	2023-2026	1.387,589	1.387,589	693,7945	416,2767	277,5178	0	0	Trung tâm nghiên cứu Bảo vệ rừng
1.15	Nghiên cứu, bảo tồn và phát triển nguồn gen các loài trà mi (<i>Camellia</i> sp.) tại Vườn Quốc gia Bù Gia Mập tỉnh Bình Phước	Quyết định số 711/QĐ-UBND ngày 05/5/2023 của UBND	2023-2026	892,317	892,317	446,019	267,6951	178,6029	0	0	BQL Vườn Quốc gia Bù Gia Mập

		tỉnh Bình Phước									
1.16	Xây dựng quy trình canh tác tiêu an toàn bền vững tại tỉnh Bình Phước ứng dụng công nghệ nano và công nghệ số	Chưa tuyển chọn	2023 - 2026	1.400	1.400	700	500	200	0	0	Chưa tuyển chọn
1.17	Nghiên cứu sản xuất keo dán gỗ thân thiện với môi trường từ nguyên liệu dầu vỏ hạt điều phục vụ trong công nghiệp chế biến gỗ trên địa bàn tỉnh Bình Phước	Chưa tuyển chọn	2023 - 2026	1.400	1.400	700	500	200	0	0	Chưa tuyển chọn
1.18	Nghiên cứu sản xuất chế phẩm sinh học từ lá trầu không (<i>Piper betel</i>) kết hợp với nano bạc trong phòng chống một số bệnh hại chính trên cây điều tỉnh Bình Phước	Chưa tuyển chọn	2023 - 2026	1.250	1.250	700	400	150	0	0	Chưa tuyển chọn
1.19	Nghiên cứu sản xuất thực phẩm bổ sung dinh dưỡng từ hạt điều và các loại thảo dược (hoài sơn, gạo dược liệu, đinh lăng, sâm bổ chính) trồng tại Bình Phước	Chưa tuyển chọn	2023-2026	1.000	1.000	500	350	150	0	0	Chưa tuyển chọn

1.20	Nghiên cứu sản xuất chế phẩm hỗ trợ điều trị đau nhức xương khớp và rối loạn tiêu hóa từ cây Tiêu lốt (<i>Piper longum</i> L.) trồng tại Bình Phước	Chưa tuyển chọn	2023 - 2026	1.000	1.000	600	250	150	0	0	Chưa tuyển chọn
1.21	Thực trạng và giải pháp nâng cao năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) tỉnh Bình Phước trên nền tảng khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo	Chưa tuyển chọn	2023 - 2025	650	650	300	200	150	0	0	Chưa tuyển chọn
1.22	Điều tra, đánh giá thực trạng và đề xuất kế hoạch bảo tồn, phát triển một số loài cây thuốc có hiệu quả kinh tế cao tại tỉnh Bình Phước	Chưa tuyển chọn	2023 - 2025	900	900	500	250	150	0	0	Chưa tuyển chọn
2	Nhiệm vụ cấp tỉnh mới mở năm 2024			6.000	6.000	-	3.000	3.000	0	0	
	Nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh mở mới năm 2024 (Dự kiến 5 nhiệm vụ)	Chưa có QĐ phê duyệt danh mục	2024-2027	6.000	6.000	-	3.000	3.000	0	0	-
III	Nhiệm vụ cấp cơ sở			14.646,372	10.547,431	3.430,349	5.571,040	1.546,042	4.098,941	0	
1	Nhiệm vụ cấp cơ sở năm 2023 chuyển tiếp sang năm 2024			12.646,372	8.547,431	3.430,349	3.571,040	1.546,042	4.098,941	0	

1.1	Xây dựng mô hình sản xuất giống một số loài cây ăn trái tại tỉnh Bình Phước.	Quyết định số 2003/QĐ-UBND ngày 03/08/2021	2021 - 2024	1.242,803	603,955	315,4775	315,4775	0	638,848	0	Trung tâm KH&CN
1.2	Đánh giá khả năng sản xuất của giống Heo Đen được nuôi tại các hộ đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Bình Phước	Quyết định số 1348/QĐ-UBND ngày 26/7/2022	2022 - 2024	520,178	520,178	520,178	0	0	0	0	Phân viện chăn nuôi Nam Bộ
1.3	Ứng dụng công nghệ tuần hoàn nước (Recirculating Agriculture Systems – RAS) trong mô hình nuôi cá Chình Bông theo hướng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tại huyện Phú Riềng	Quyết định số 2411/QĐ-UBND ngày 27/12/2022	2022 - 2024	1.824,104	743,089	743,089	0	0	1.081,015	0	Công ty TNHH MTV thương mại dịch vụ Thanh Hương
1.4	Xây dựng mô hình nông trại giáo dục thực nghiệm, kỹ năng sống, định hướng khởi nghiệp đổi mới sáng tạo	Quyết định số 708/QĐ-UBND ngày 05/5/2023	2023 - 2025	1.209,287	730,209	365,1045	219,062	146,0425	479,078	0	Công ty TNHH SX thương mại dịch vụ Tin học Sài Gòn
1.5	Xây dựng mô hình chế biến sâu quả bơ tại tỉnh Bình Phước	Chưa có Quyết định phê duyệt UBND tỉnh	2023 - 2025	600	600	300	180	120	0	0	Trường Đại học Văn Lang
1.6	Xây dựng mô hình sản xuất sản phẩm chất lượng cao từ	Chưa có Quyết định phê duyệt	2023 - 2025	2.800	900	300	270	330	1.900	0	Công ty TNHH XNK Thủy Mộc

	phụ phẩm của cây bưởi theo định hướng nâng cao chuỗi giá trị sản phẩm trên địa bàn tỉnh Bình Phước	UBND tỉnh										Việt
1.7	Xây dựng và quản lý nhãn hiệu nhằm từng bước xây dựng thương hiệu một số sản phẩm nông nghiệp của huyện Hớn Quản	Chưa có Quyết định phê duyệt UBND tỉnh	2023 - 2025	1.200	1.200	300	600	300	0	0		Chi nhánh Công ty Cổ phần Sở hữu Công nghiệp INVESTIP (TP. Hà Nội)
1.8	Phát triển du lịch cộng đồng tại tỉnh Bình Phước	Chưa có Quyết định phê duyệt UBND tỉnh	2023 - 2025	750	750	300	300	150	0	0		Trường Đại học Bình Dương
1.9	Xây dựng hệ thống ứng dụng công nghệ tự động hóa đo chất lượng và mức nước trong việc quản lý điều hành hệ thống thủy lợi phục vụ sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh Bình Phước	Chưa có Quyết định phê duyệt UBND tỉnh	2023 - 2025	2.500	2.500	300	1.700	500	0	0		Viện kỹ thuật Công trình
2	Nhiệm vụ cơ sở mở mới năm 2024 (dự kiến 05 nhiệm vụ)	Chưa có QĐ phê duyệt danh mục	2024 - 2026	2.000	2.000	0	2.000	0	0	0		
IV	Chương trình hỗ trợ ứng dụng chuyên gia khoa học và công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã	Quyết định số 1662/QĐ-UBND ngày	2020-2025	10.000	10.000	6.000	2.000	2.000	0	0		Trung tâm KH&CN tỉnh

	hội các huyện biên giới tỉnh Bình Phước giai đoạn 2020-2025	21/7/2020 của UBND tỉnh										
V	Hoạt động Sàn giao dịch công nghệ và thiết bị tỉnh Bình Phước giai đoạn 2022-2025	Kế hoạch số 324/KH-UBND ngày 31/10/2022 của UBND tỉnh	2022-2025	9.500	9.500	3.000	3.500	3.000	0	0	Trung tâm KH&CN tỉnh	
VI	Triển khai, áp dụng và quản lý hệ thống truy xuất nguồn gốc giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Bình Phước.	Kế hoạch số 96/KH-UBND ngày 18/4/2022 của UBND tỉnh	2022-2025	5.000	5.000	800	2.000	2.200	0	0	Sở KH&CN	
VII	Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp Đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2022-2025	Kế hoạch số 121/KH-UBND ngày 07/4/2023 của UBND tỉnh	2022-2025	2.700	2.700	500	1.500	700	0	0	Trung tâm KH&CN	
VIII	Triển khai Kế hoạch nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2023 - 2025, định hướng đến 2030 trên địa bàn tỉnh Bình Phước.	Kế hoạch chưa được phê duyệt	2023-2025	4.000	4.000	0	2.000	2.000	0	0	Sở KH&CN	
IX	Triển khai thực hiện Kế hoạch “Tăng	Kế hoạch chưa được	2023-2025	4.000	4.000	0	2.000	2.000	0	0	Sở KH&CN	

	cường, đổi mới hoạt động đo lường hỗ trợ doanh nghiệp Việt Nam nâng cao năng lực cạnh tranh và hội nhập quốc tế giai đoạn 2023 - 2025, định hướng đến năm 2030” trên địa bàn tỉnh Bình Phước.	phê duyệt									
X	Nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng năm 2024	Chưa phê duyệt danh mục	2024	3.000	3.000	0	3.000	0	0	0	Trung tâm KH&CN

KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN KH&CN NĂM 2024

Đơn vị: Triệu đồng

Số TT	Tên Dự án/ công trình	Cơ sở pháp lý (QĐ phê duyệt)	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện		Kinh phí		
					<i>Khởi công</i>	<i>Hoàn thành</i>	Tổng vốn đầu tư được duyệt	Kinh phí được phân bổ lũy kế hết năm 2022	Kế hoạch vốn năm 2024
I	Dự án chuyển tiếp						0	0	0
II	Dự án mới						0	0	0

DỰ KIẾN KINH PHÍ SỰ NGHIỆP KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ NĂM 2024

Đơn vị: Triệu đồng

Số TT	NỘI DUNG	KINH PHÍ THỰC HIỆN NĂM 2023	DỰ KIẾN KINH PHÍ NĂM 2024
A	Kinh phí sự nghiệp KH&CN	0	7.790
I	Nhiệm vụ KH&CN cấp Quốc gia (các Chương trình/Đề án được tiếp tục giao kinh phí về Bộ, ngành quản lý)	0	7.790
1	Nghiên cứu giải pháp công trình bổ cập nước ngầm từ hệ thống thủy lợi trong mùa mưa để ứng phó với hạn hán trên địa bàn tỉnh Bình Phước	0	7.790
II	Nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ		
1	Chi thường xuyên		
2	Chi nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ		
3	Các hoạt động KH&CN khác		
4	Các dự án có tính chất đặc biệt		
5	Nhiệm vụ KH&CN được Thủ tướng chính phủ giao		
B	Kinh phí đầu tư phát triển		
II	Nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ		
1	Chi thường xuyên		
2	Chi nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ		
3	Các hoạt động KH&CN khác		
4	Các dự án có tính chất đặc biệt		
5	Nhiệm vụ KH&CN được Thủ tướng chính phủ giao		
	Tổng số (A + B)	0	7.790

DỰ KIẾN KINH PHÍ SỰ NGHIỆP KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ NĂM 2024

Đơn vị: Triệu đồng

Số TT	NỘI DUNG	KINH PHÍ TW THÔNG BÁO NĂM 2023	KINH PHÍ UBND TỈNH, TP PHÊ DUYỆT 2023	KINH PHÍ THỰC HIỆN NĂM 2023	KINH PHÍ DỰ KIẾN NĂM 2024
I	Kinh phí sự nghiệp KH&CN	25.182	25.182	25.182	36.289
1	Kinh phí nhiệm vụ KH&CN cấp Quốc gia chuyển tiếp cấp về địa phương quản lý (chi tiết theo từng nhiệm vụ)		0	0	800
	Nhiệm vụ: Nghiên cứu giải pháp công trình bổ cấp nước ngầm từ hệ thống thủy lợi trong mùa mưa để ứng phó với hạn hán trên địa bàn tỉnh Bình Phước		0	0	800
2	Chi nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh, cấp huyện		12.093	12.093	23.438
2.1	Nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh		5.500	5.500	6.967
2.1.1	<i>Nhiệm vụ cấp tỉnh chuyển tiếp sang</i>		1.500	1.500	3.967
2.1.2	<i>Nhiệm vụ cấp tỉnh mở mới</i>		4.000	4.000	3.000
2.2	Nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở		1.993	1.993	5.571
2.2.1	<i>Nhiệm vụ cấp cơ sở chuyển tiếp sang</i>		493	493	3.571
2.2.2	<i>Nhiệm vụ cấp cơ sở mở mới</i>		1.500	1.500	2.000
2.3	Chương trình hỗ trợ ứng dụng, chuyển giao KH&CN phục vụ phát triển kinh tế - xã hội các huyện biên giới tỉnh Bình Phước giai đoạn 2020-2025 (theo Quyết định số 1662/QĐ-UBND ngày 21/7/2020 của UBND tỉnh về phê duyệt Chương trình hỗ trợ ứng dụng chuyển giao khoa học và công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội các huyện biên giới tỉnh Bình Phước giai đoạn 2020-2025)		2.000	2.000	2.000
2.4	Chương trình phát triển tài sản trí tuệ trên địa bàn tỉnh, Chiến lược sở hữu trí tuệ trên địa bàn tỉnh Bình Phước, Thực hiện công tác chuyển giao công nghệ theo Nghị quyết 13/2021/NQ-HĐND ngày 30/9/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước. Đối ứng dự án cấp quốc gia về sở hữu trí tuệ.		500	500	600
2.5	Thực hiện công tác chuyển giao công nghệ theo Nghị quyết 12/2021/NQ-HĐND ngày 30/9/2021; điều tra công nghệ		800	800	800
2.6	Kế hoạch Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo;		500	500	1.500

2.7	Triển khai Kế hoạch số 96/KH-UBND ngày 18/4/2022 của UBND tỉnh về Kế hoạch triển khai, áp dụng và quản lý hệ thống truy xuất nguồn gốc giai đoạn 2022 – 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Bình Phước.		800	800	2.000
2.8	Triển khai thực hiện Kế hoạch “Tăng cường, đổi mới hoạt động đo lường hỗ trợ doanh nghiệp Việt Nam nâng cao năng lực cạnh tranh và hội nhập quốc tế giai đoạn 2023 – 2025, định hướng đến năm 2030” trên địa bàn tỉnh Bình Phước.		0	0	2.000
2.9	Triển khai Kế hoạch nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2023 – 2025, định hướng đến 2030 trên địa bàn tỉnh Bình Phước.		0	0	2.000
3	Chi nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng		3.000	3.000	3.000
4	Chi hoạt động KH&CN phục vụ quản lý nhà nước		5.001	5.001	4.780
4.1	Quản lý chung nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh, cấp cơ sở		700	700	1.000
4.2	Hoạt động Tiêu chuẩn-Đo lường-Chất lượng		650	650	730
4.3	Sở hữu trí tuệ, sáng kiến		650	650	400
4.4	Thông tin và thống kê KH&CN		751	751	750
4.5	Phát triển ứng dụng năng lượng nguyên tử, an toàn bức xạ và hạt nhân		700	700	350
4.6	Đánh giá, thẩm định, giám định và CGCN		50	50	50
4.7	Thanh tra, kiểm tra KH&CN		600	600	600
4.8	Đào tạo, bồi dưỡng hợp tác quốc tế, hoạt động chuyên môn nghiệp vụ, hội nghị, hội thảo, hợp tác quốc tế		900	900	900
4.9	Thực hiện chính sách sử dụng, trọng dụng cá nhân hoạt động KH&CN		0	0	0
5	Chi hoạt động KH&CN cấp huyện		0	0	0
6	Chi các đơn vị sự nghiệp		0	0	0
7	Chi tăng cường tiềm lực, chống xuống cấp		0	0	0
8	Chi khác		5.088	5.088	4.271
8.1	Nhiệm vụ: Hội thi sáng tạo kỹ thuật, hội thi sáng tạo thanh niên, nhi đồng tỉnh Bình Phước		1.694	1.694	771
8.2	Hoạt động sản giao dịch thiết bị công nghệ (Kế hoạch số 324/KH-UBND ngày 31/10/2022 của UBND tỉnh về Hoạt động Sản giao dịch công nghệ và thiết bị tỉnh Bình Phước giai đoạn 2022-2025)		2.000	2.000	3.500
8.3	Triển khai xây dựng mới, áp dụng HTQLCL tại tất cả xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh (theo Kế hoạch 264/KH-UBND ngày 16/9/2022 của UBND tỉnh)		616	616	0
8.4	Mua sắm, sửa chữa trang thiết bị phục vụ QLNN về KH&CN		505,2	505,2	0
8.5	Kinh phí dự phòng, phát sinh		272,8	272,8	0
II	Kinh phí đầu tư phát triển	0	0	0	0
	Tổng số	25.182	25.182	25.182	36.289